

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng  
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển  
GV: Đoàn Thị Bích Hà  
Tổ : Ngữ văn, KHBD khối 11  
Ngày soạn: 31/3/2026  
Ngày dạy: Tuần 32-35, tiết 91-97, 102-105

## BÀI 9: LỰA CHỌN VÀ HÀNH ĐỘNG

11 tiết

### PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 91,92

### VĂN BẢN 1: BÀI CA NGÁT NGƯỞNG (02 tiết)

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Về kiến thức:

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản hát nói muốn gửi đến người đọc.
- Phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong văn bản có nhiều chủ đề.

##### 2. Về năng lực:

###### \* **Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học
- Năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

###### \* **Năng lực đặc thù:**

- Năng lực ngôn ngữ: Biết cách giải thích nghĩa của từ ngữ thông qua thực hành giải thích một số từ khó, từ đa nghĩa trong văn bản; qua đo chủ động bồi đắp vốn từ ngữ và sử dụng từ ngữ chính xác, có hiệu quả.
- Năng lực văn học: Nhận biết được cái cao cả, quan điểm sống của tác giả NCT.

##### 3. Về phẩm chất:

- Biết tôn trọng con người cá nhân, các cá tính khác nhau trong đời sống xã hội; đồng thời nuôi dưỡng ý thức đóng góp cho cộng đồng, biết thể hiện sự can đảm và sáng suốt những lựa chọn có tính bước ngoặt trong cuộc đời.

#### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, bảng, phấn, phần mềm Powerpoint.

2. **Học liệu:** SGK, hình ảnh về tác giả, tác phẩm; phiếu học tập,...

#### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

##### 1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

## 2. Kiểm tra bài cũ:

## 3. Bài mới:

### HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

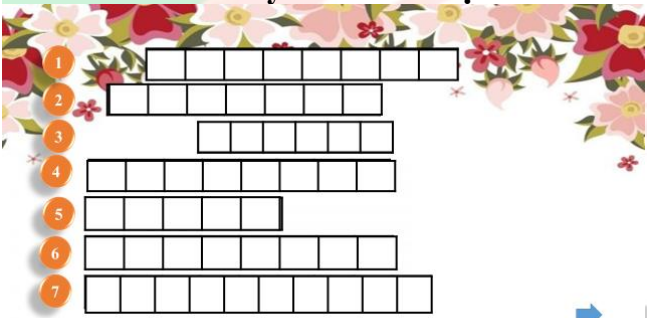
**a. Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề qua hoạt động Ô chữ bí mật

HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b> <b>GV chiếu trên máy Ô chữ bí mật</b></p>  <p>GV gọi HS chọn bất kỳ ô câu hỏi, trả lời câu hỏi để tìm ra từ trong các ô chữ</p> <p><i>Đây là hoạt động nghệ thuật nào?</i></p> <p><i>Tên một địa danh của tỉnh Thái Bình, mang nghĩa Hán Việt là “Biển tiền”?</i></p> <p><i>Tỉnh quê hương Đại thi hào Nguyễn Du?</i></p> <p><i>Điền từ vào câu: “ Kiếp sau xin chớ làm người/ Làm ...đứng giữa trời mà reo”</i></p> <p><i>Người Việt trẻ ngày nay muốn thể hiện cá tính của mình thông qua điều gì?</i></p> <p><i>Dòng họ có dân số đông nhất của Việt Nam hiện nay?</i></p> <p><i>Hình mẫu lí tưởng, mô thức hoàn hảo trong lĩnh vực đời sống, văn hóa, xã hội, nghệ thuật ....mà người hâm mộ muốn, học hỏi, noi theo và tiếp nối được gọi là gì?</i></p> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS suy nghĩ cá nhân.</li><li>- GV quan sát, gợi ý (nếu cần).</li></ul> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV gọi HS lựa chọn, trả lời</li></ul>	<p><b>Ô chữ:</b> <b>Hát ca trù</b> <b>Tiền Hải</b> <b>Hà Tĩnh</b> <b>cây thông</b> <b>Cái tôi</b> <b>Nguyễn</b> <b>Thần tượng</b></p> <p>Nhắc đến Nguyễn Công Trứ, nhà thơ Tô Hữu từng vái lạy và bày tỏ: “<i>Thật là một người có một không hai. Tài đến rứa là cùng, khí phách đến rứa là cùng, đức độ làm quan đến rứa là cùng mà chơi nhời cũng hay đến rứa là cùng...</i>”. Tài năng, cá tính, chất ngông của NCT thể hiện trong cả đời thường và văn học. Hôm nay,</p>

- Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

GV nhận xét, dẫn vào bài

chúng ta tìm hiểu tp Bài ca ngát ngưỡng để khám phá đánh giá chủ đề, tư tưởng, thông điệp của ông....

## HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

### Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

**a. Mục tiêu:** HS tóm tắt được và nắm vững những thông tin then chốt nhất trong phần *Tri thức ngữ văn*.

**b. Nội dung**

- Đọc nội dung phần *Tri thức ngữ văn*, gạch chân các từ khóa, tìm hiểu thông tin
- Tóm tắt tri thức về hiện tượng văn bản có nhiều chủ đề (chủ đề chính, chủ đề phụ); một số cách giải thích nghĩa của từ.
- Thảo luận, trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập

**c. Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Phiếu học tập - Slide trình chiếu
- Chốt kiến thức chuẩn

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b> Học sinh tìm hiểu tri thức ngữ văn về tính đa chủ đề; cách giải thích từ ngữ. - Hoàn thành phiếu học tập số 1 (làm việc cá nhân)</p> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ</b> Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn, thực hiện nhiệm vụ</p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận</b> Học sinh chia sẻ kiến thức đã biết, nhận xét câu trả lời của bạn</p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b> Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Tính đa chủ đề của văn bản VH, cách giải thích từ ngữ GV chốt lại những thông tin quan trọng trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i> làm nền tảng đọc hiểu văn bản.</p>	<p><b>1. Văn bản VH có nhiều chủ đề</b> - Chủ đề là đối tượng, vấn đề mà văn bản biểu đạt. - Phân loại: + Theo mức độ biểu hiện: Chủ đề chính – Chủ đề phụ + Theo tính chất điều được biểu hiện: Chủ đề đặc thù dân tộc – Chủ đề phổ quát nhân loại. - Tác dụng: Văn bản đa dạng, đáp ứng yêu cầu đọc giả</p> <p><b>Cách giải thích nghĩa của từ</b> - Cách hình thức trực quan: - Cách trình bày khái niệm từ biểu thị - Cách nêu từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa - Cách làm rõ nghĩa từng yếu tố trong từ -&gt; Giúp người đọc/nghe/xem hiểu chính xác ý nghĩa, cách sử dụng từ ngữ - &gt; Có thể sử dụng nhiều cách giải thích một từ.</p>

### Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1. BÀI CA NGÁT NGƯỠNG

#### 2.1. Tìm hiểu khái quát

**a. Mục tiêu:**

- HS nắm được những nét khái quát về cuộc đời, sự nghiệp của tác giả

- Thấy được những tác động của cuộc đời, thời đại đến sáng tác của Nguyễn Công Trứ
- Nêu được hoàn cảnh sáng tác, xác định vị trí, nội dung của văn bản.

### b. Nội dung

- HS thực hiện nhiệm vụ được giao: sưu tầm tư liệu về tác giả và tác phẩm, thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm.

### c. Sản phẩm

- Các tài liệu HS sưu tầm
- Câu trả lời; chốt kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm

### d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p><b>1. Đọc văn bản:</b></p> <p>* GV gọi HS đọc phần giới thiệu về tác giả trong SGK, yêu cầu HS ghi nhớ ý chính. GV đọc mẫu rồi gọi 1 HS đọc lại bài hát nói.</p> <p>- GV lưu ý HS về giọng đọc:</p> <p>+ 6 câu đầu và 7 câu cuối giọng đọc mạnh mẽ, tự hào</p> <p>+ 6 câu giữa đọc với giọng đùa vui như trêu người.</p> <p><b>2. Tác giả</b></p> <p>GV đặt câu hỏi cho HS tìm hiểu: <i>? Qua tìm hiểu, sưu tầm các tài liệu về Nguyễn Công Trứ, hãy khái quát một số thông tin cơ bản về tác giả.</i></p> <p><b>3. Tác phẩm</b></p> <p><i>? Hãy xác định hoàn cảnh sáng tác, thể loại và vị trí của bài thơ ?</i> <i>HS kể một số tác phẩm thuộc thể loại hát nói.</i></p> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân</li> <li>- Cung cấp các tài liệu thu được và tự đánh giá</li> <li>- Thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm</li> </ul> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS báo cáo kết quả</li> <li>- GV cho HS xem video ca trù văn bản <a href="https://www.youtube.com/watch?v=4h2n7VFI5is">https://www.youtube.com/watch?v=4h2n7VFI5is</a></li> </ul> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV kết luận</li> <li>- Nhận xét, đánh giá HS</li> </ul>	<p><b>I. Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>1. Tác giả</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà nho tài tử</li> <li>- Có tài năng và nhiệt huyết ở nhiều lĩnh vực, có nhiều đóng góp cho dân cho nước.</li> <li>- Con đường làm quan không bằng phẳng, thăng giáng nhiều lần</li> <li>- Sự nghiệp sáng tác: Hầu hết bằng chữ Nôm và góp phần quan trọng vào việc phát triển của thể loại hát nói trong VHVN</li> </ul> <p><b>2. Văn bản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>HCRĐ</i>: được làm sau năm 1848 khi nhà thơ đã cáo quan về hưu.</li> <li>- <i>Thể loại</i>: hát nói – một thể thơ tự do, phóng khoáng.</li> <li>- <i>Vị trí</i>: + Trực tiếp bộc lộ quan điểm sống khác người, cái tôi cá nhân <b>“ngất ngưỡng”</b> khác biệt với xã hội phong kiến. + Là bức chân dung tự họa về thân thể, sự nghiệp, lối sống với một cá tính độc đáo.</li> </ul>

## 2.2. Khám phá văn bản

**a. Mục tiêu:**

- HS nắm được **bố cục**, cảm hứng chủ đạo của văn bản, hình ảnh “ngát ngưỡng” của NCT về hành trang cuộc đời mình, quan niệm và bản lĩnh sống vượt qua quan niệm Nho giáo phong kiến; một số đặc điểm nghệ thuật của thể hát nói.
- HS nhận biết được chủ đề chính của văn bản thể hiện bản lĩnh cứng cỏi, sự thức tỉnh ý thức cá nhân và thể hiện rõ một nhân sinh quan tiến bộ hiện đại.
- HS phân tích được những giá trị nghệ thuật đặc sắc và các thông điệp chính trong văn bản.
- HS liên hệ văn bản với bản thân, với đời sống.

**b. Nội dung:**

- HS đọc văn bản và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS khám phá văn bản thông qua hệ thống câu hỏi phát vấn, bình giảng

**c. Sản phẩm**

- Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1: (Nhóm 1)</b></p> <p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trừ nhan đề, bao nhiêu lần tác giả nhắc đến từ “<i>Ngát ngưỡng</i>” trong bài thơ?</li> <li>- Theo anh (chị) “<i>Ngát ngưỡng</i>” diễn tả một tư thế nào của con người, và sự vật?</li> <li>- Nếu hiểu “<i>Ngát ngưỡng</i>” là một Phẩm chất sống thì em hiểu phẩm chất đó là như thế nào?</li> </ul> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận.</b></p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận</b></p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV diễn giảng: “<i>Ngát ngưỡng</i>” cũng là Phẩm chất đề cao bản thân, sống giữa mọi người mà như không nhìn thấy ai; là Phẩm chất khinh đời, ngạo vật; cố tình làm những điều khác thường để thách thức, trêu ghẹo những người, những gì mình ghét.</li> <li>- Mỗi từ “<i>Ngát ngưỡng</i>” gắn liền với quãng đời nào của nhà thơ, thể hiện ở các đoạn thơ nào trong bài?</li> </ul>	<p><b>II. Khám phá văn bản</b></p> <p><b>1. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ “<i>Ngát ngưỡng</i>” xuất hiện 4 lần trong bài thơ ở các câu: 4, 8, 12 và câu cuối.</li> <li>- “<i>Ngát ngưỡng</i>” diễn tả một con người, sự vật có chiều cao hơn so với con người và sự vật khác nhưng ngả nghiêng, chực đổ mà không đổ.</li> <li>-&gt; Đây là trạng thái gây cảm giác rất khó chịu cho người xung quanh, như trêu trọc, trêu người.</li> <li>- Là khác người, xem mình cao hơn người khác.</li> <li>- Là thoải mái tự do, phóng túng, không theo một khuôn khổ nào hết.</li> </ul> <p>*Từ “<i>Ngát ngưỡng</i>” thứ nhất gắn liền với những năm ra làm quan. Đó là cái “<i>Ngát ngưỡng</i>” ở chốn quan trường. (6 câu đầu)</p> <p>*Từ “<i>Ngát ngưỡng</i>” thứ hai, ba gắn liền với những năm cáo quan về hưu. Đó là cái “<i>Ngát ngưỡng</i>” ở chốn hành lạc. (12 câu tiếp).</p> <p>* Từ “<i>Ngát ngưỡng</i>” thứ tư trở lại quãng đời làm quan. Nhưng đây là cái “<i>Ngát ngưỡng</i>” ở chốn</p>

<p>HS đọc thầm lại văn bản, xác định các “<i>phạm vi</i>” (thời gian cuộc đời nhà thơ, đoạn thơ) ngắt ngừng.</p>	<p>triều chung. (Câu cuối). =&gt; Phẩm chất sống tự do, phóng khoáng, vượt lên trên những trói buộc của cuộc sống đời thường ở nhà thơ.</p>
<p><b>Nhiệm vụ 2: (Nhóm 2)</b></p> <p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p>- Trong thời gian làm quan, NCT đã thể hiện phẩm chất “ngắt ngừng” của mình như thế nào?</p> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đã giao.</p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận</b></p> <p>- HS cử đại diện nhóm lên trình bày</p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b></p> <p>Điều này được NCT thể hiện rất nhiều trong các tác phẩm của ông: cho rằng kẻ làm trai là phải mang lấy cái nợ và phải tung hoành ngang dọc để trả cho trọn cái nợ ấy.</p> <p><i>“Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc Nợ tang bồng vay trả trả vay Chí làm trai Nam Bắc Đông Tây Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể”</i> (Chí anh hùng)</p> <p>Tuy nhiên, đối với NCT, công danh không chỉ là vinh mà còn là nợ, là trách nhiệm. Vì vậy, ông coi đó là sự dẫn thân tự nguyện đem tự do, tài hoa nhốt vào vòng trói buộc.</p> <p>Điều này là phù hợp với tâm trạng của con người đã trải qua bao nhiêu phiến lụy chốn quan trường.</p> <p><b>Nhiệm vụ 3: (Nhóm 3)</b></p> <p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p>	<p><b>2. Lời tự thuật về cuộc đời</b></p> <p><b>a. Khi làm quan (6 câu đầu)</b></p> <p>- Câu 1:</p> <p><i>“Vũ trụ nội mạc phi phận sự”</i></p> <p>Mọi việc trong trời đất đều là phận sự của ta: Phẩm chất tự tin, ý thức sâu sắc về vai trò, trách nhiệm và tài năng của bản thân.</p>

Vậy tại sao ông coi việc làm quan là mất tự do vậy mà vẫn ra làm quan?

## B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đã giao.

## B3. Báo cáo thảo luận

- HS cử đại diện nhóm lên trình bày

## B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Vì ông coi việc làm quan là một điều kiện, một phương tiện để thể hiện hoài bão vì dân vì nước và tài năng của mình. Điều quan trọng là trong một môi trường có nhiều trói buộc, ông vẫn thực hiện được lí tưởng xã hội của mình và vẫn giữ được bản lĩnh, cá tính.

### Nhiệm vụ 4: (Nhóm 4)

#### B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Câu 3, 4, 5, 6 NCT nói đến điều gì?

#### B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.

#### B3. Báo cáo thảo luận

#### B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

+ Thủ khoa: đỗ đầu Giải Nguyên kì thi Hương năm 1819 trường Nghệ An.

+ Tham tán: đứng đầu đội quan văn tham chiến (Tham tán đại thần đi dẹp loạn ở Cao Bằng)

+ Tổng đốc Đông: đứng đầu tỉnh (hoặc vài tỉnh) - Tổng đốc Hải Dương và Quảng Yên.

+ Bình Tây, đại tướng: đứng đầu đội quân trấn Tây - thời kì hoạt động quân sự ở phía Tây.

- Câu 2:

“Ông Hi vẫn tài bộ đã vào lòng”

-> Tuy cho việc làm quan là mất tự do, là “vào lòng” song vẫn ra làm quan vì đó là phương tiện để ông thể hiện tài năng và hoài bão của mình, một sự dấn thân tự nguyện.

- Câu 3, 4, 5, 6: Liệt kê tài năng hơn người:

+ Giỏi văn chương (khi thủ khoa)

+ Tài dùng binh (thao lược)

-> Tài năng lỗi lạc xuất chúng: văn võ song toàn

- Khoe danh vị hơn người:

+ Tham tán

+ Tổng đốc

+ Đại tướng (bình định Trấn Tây)

+ Phủ doãn Thừa Thiên

- Thực tế đã cho thấy ông là người có tài năng xuất chúng, tận tâm với sự nghiệp và lập nhiều công trạng, thể hiện tài “kinh bang tế thế”.

- Đường công danh khi thăng lúc giáng, nhưng khi nhìn lại ông không hề che giấu niềm tự hào, kiêu hãnh về tài năng và vì đã cống hiến hết mình.

+ Phủ doãn Thừa Thiên: chức quan đầu tỉnh có Kinh đô (ở đây là phủ Thừa Thiên)

- Em có nhận xét gì về cách dùng từ?

+ Dùng từ ngữ Hán Việt + âm điệu nhịp nhàng: sự trang trọng, kiêu hãnh về những đóng góp của mình cho đất nước.

+ Cách nói ấy là cách nói của người ý thức được mình, tài năng vượt lên trên thiên hạ.

## TIẾT 2: Hướng dẫn hs tìm hiểu phần còn lại

### Nhiệm vụ 5: (Nhóm 1)

#### B1. Chuyển giao nhiệm vụ

6 câu đầu là bức chân dung tự họa của nhà thơ khi còn đương chức. Vậy lúc đã cáo quan rồi NCT có còn “Ngông” nữa không?

#### B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Gv tổ chức cho HS thảo luận.

#### B3. Báo cáo thảo luận

- HS cử đại diện nhóm lên trình bày

#### B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

:

### Nhiệm vụ 6: (Nhóm 2)

#### B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Câu hỏi thảo luận: NCT đã làm gì kể

- Nghệ thuật

+ Sử dụng nhiều từ Hán Việt mang màu sắc trang trọng.

+ Thủ pháp NT: điệp từ kết hợp liệt kê vừa có tác dụng khoe tài, vừa nhấn mạnh các chức danh đã từng trải qua -> Thể hiện một ý thức rõ nét, trang trọng về tài năng và địa vị của bản thân.

+ Giọng điệu: lúc khoe khoang, phô trương; lúc tự cao tự đại, khinh đời.

=> “Ngất ngưỡng” trên hành trình hoạn lộ: người quân tử sống bản lĩnh, đầy tự tin, kiên trì lí tưởng.

### b. Lúc về hưu (12 câu tiếp)

#### \* Sự kiện về hưu:

- Mở ra bằng câu thơ nguyên văn chữ Hán → sự kiện quan trọng.

“Đô môn giải tổ chi niên”

-> Nhắc lại một sự kiện quan trọng trong cuộc đời (về hưu), điều kiện để ông thực hiện lối sống ngất ngưỡng.

#### \* Những hành động ngất ngưỡng:

- “Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưỡng”

-> Dạo chơi bằng cách cưỡi con bò vàng, đeo nhạc ngựa trước ngực nó, đeo mo cau sau đuôi, bảo rằng để che miệng thế gian.

+ “Kìa núi nọ phau phau mây trắng”

->Thưởng thức cảnh đẹp, ngao du sơn thủy.

+ “Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi”

-> Cười mình là tay kiếm cung (một ông tướng có quyền sinh quyền sát) dạng từ bi: dáng vẻ tu hành, trái hẳn với trước.

+ “Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì”

từ lúc về hưu? (về hưu thế nào, ăn chơi ra sao). Em có nhận xét gì về những hành động đó? Từ đó cái “Ngất ngưỡng” của nhà thơ ở đây như thế nào?

## B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS phân tích, nhận xét theo nhóm rồi cử đại diện trả lời.

## B3. Báo cáo thảo luận

### B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

+ NCT làm một việc ngược đời, đối nghịch. Người ta tán lợn, ngựa xe nghiêm trang, còn ông thì ngất ngưỡng trên lưng con bò. Đã là một giống vật thấp kém, bò mà lại bò cái, nhưng lại được trang sức bằng đặc ngựa - đồ trang sức quý của loài vật cao cấp (ngựa). Song ông còn buộc mo cau vào đuôi bò ở cái chỗ cần che nhất với một tuyên ngôn ngược: để che miệng thế gian → trêu người, khinh thị cả thế gian kinh kì. Ông có quyền ngất ngưỡng vì ông về hưu trong danh dự, sau khi đã làm được nhiều việc có ích cho dân...

+ Phan Bội Châu có thơ Vịnh việc này: “Hà Như Uy viễn tướng quân thú/Tuý ủng hồng nhi thượng pháp môn” (Sao có được cái thú của Uy viễn tướng quân/Rượu say đưa các cô gái trẻ lên chùa).

### Nhiệm vụ 7: (Nhóm 3)

#### B1. Chuyển giao nhiệm vụ

*Quan niệm sống của Nguyễn Công Trứ thể hiện như thế nào trong các câu từ 13 – 15?*

#### B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm

-> Dẫn các cô gái trẻ lên chơi chùa, đi hát ả đào.

+ Chứng kiến cảnh ấy

“Bụt cũng nực cười ông ngất ngưỡng”

-> Một cá tính nghệ sĩ: Sống phóng túng, tự do, thích gì làm nấy, sống theo cách của mình, nhanh chóng thích nghi hoàn cảnh.

- Quan niệm sống:

+ Câu 13: Vượt qua dư luận xã hội, không quan tâm được mắt.

+ Câu 14: không bận lòng trước những lời khen chê.

+ Câu 15, 16: Sống tự do, phóng túng, tận hưởng mọi thú vui, không vương tục.

→ Một nhân cách, một bản lĩnh ngất ngưỡng: sống không giống ai, không nhập tục cũng không thoát tục.

đã giao.

### B3. Báo cáo thảo luận

- HS cử đại diện nhóm lên trình bày

### B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Câu 13 – 16, ông là người không quan tâm đến chuyện được mất, không bận lòng vì sự khen chê, có những khi hành lạc: uống rượu, cò đầu, con hát, ông không phải là người của phật, mà vẫn là con người của cuộc đời, duy có điều: không vương tục.

→ Một nhân cách, một bản lĩnh cao, chấp tất cả, không để luy và khinh tất cả những gì của thói thường.

### Nhiệm vụ 8: (Nhóm 4)

#### B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Nguyễn Công Trứ đã quan niệm như thế nào về phận sự của kẻ làm trai ở câu 17, 18? Ông đã hiện thực được quan niệm ấy chưa?

- Câu 17, 18: Cá tính và bản lĩnh của nhà thơ được ông diễn tả như thế nào?

- Trong câu cuối, nhà thơ đã khẳng định những gì?

#### B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đã giao.

### B3. Báo cáo thảo luận

- HS cử đại diện nhóm lên trình bày

### B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Câu 17, 18: Cá tính và bản lĩnh

+ So sánh mình với các bậc anh tài

+ Tự khẳng định mình là bề tôi trung thành

+ Ý thức về bản lĩnh, tài năng và phẩm chất.

- Nghệ thuật

+ Sử dụng nhiều từ Hán Việt mang màu sắc trang trọng.

+ Hình ảnh: đối lập-> trái khoái, ngược đời

+ Thủ pháp NT: liệt kê

+ Giọng điệu: hài hước, hóm hình.

+ Nhịp điệu: khoan thai, không gò bó về niêm luật, số câu, số chữ.

-> Thể hiện lối sống tự do, tự tại, phóng túng, hào hoa.

=> "Ngất ngưỡng" khi cáo quan về hưu: bậc tài tử phong lưu, không ngần ngại khẳng định cá tính của mình.

#### c. Ngất ngưỡng ở chốn triều cung:

- Câu cuối: vừa hỏi vừa khẳng định: mình là một đại thần trong triều, không có ai sống ngất ngưỡng như ông cả.

- Nêu bật sự khác biệt của mình so với đám quan lại khác: công hiến, nhiệt huyết.

- Ý thức muốn vượt ra khỏi quan niệm "đạo đức" của nhà nho.

- Thể hiện tấm lòng sắt son, trước sau như một đối với dân, với nước.

-> Ngất ngưỡng nhưng phải có thực tài, thực danh.

<p><b>Nhiệm vụ 9:</b></p> <p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài thơ đã khẳng định phong cách sống của NCT ntn?</li> <li>- Ngoài chủ đề chính, Bài ca ngất ngưỡng còn có chủ đề nào khác?</li> </ul> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đã giao.</li> </ul> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS cử đại diện nhóm lên trình bày</li> </ul> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b></p>	<p><b>3. Khẳng định phong cách sống</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi làm quan, ông không chấp nhận sự khom lưng uốn gối hay thói quy lụy.</li> <li>- Khẳng định tâm lòng trung quân, ái quốc bằng tài năng và sự cống hiến hết mình cho xã hội, cho triều đại.</li> <li>- Không chấp nhận uốn mình theo lễ giáo Nho giáo, mà thuận theo sự tôn trọng cá tính, sự trung thực và cũng là dám sống cho mình.</li> </ul> <p>=&gt; <i>Vẻ đẹp nhân cách của NCT: Một con người giàu năng lực, dám sống cho mình, bỏ qua sự gò bó của lễ giáo PK, theo đuổi cái tâm tự nhiên.</i></p>
---	--

**2.3: Tổng kết**

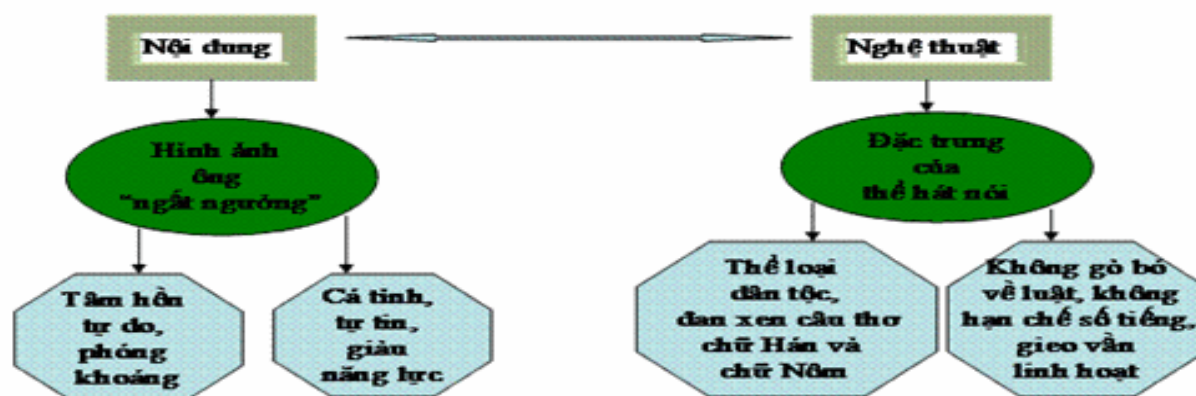
- a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức vừa hình thành về tác giả và tác phẩm.
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi và nhóm làm sơ đồ tư duy.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b> ? Đánh giá chung lại nội dung, nghệ thuật của văn bản.</p> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b></p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b></p>	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nội dung</b></p> <p>Con người Nguyễn Công Trứ thể hiện trong hình ảnh “ngất ngưỡng”: từng làm nên sự nghiệp lớn, tâm hồn tự do phóng khoáng, bản lĩnh sống mạnh, ít nhiều có sự phá cách về quan niệm sống, vượt qua khuôn sáo khắt khe của lễ giáo phong</p>

kiến.

## 2. Nghệ thuật

- Ngôn ngữ: chữ Nôm được sử dụng linh hoạt.
- Nhịp thơ linh hoạt giàu nhạc tính.
- Xây dựng hình tượng ý vị, trào phúng nhưng ẩn sau đó là thái độ, q/niệm nhân sinh quan mang màu sắc hiện đại.



### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức vừa hình thành về tác giả và tác phẩm.
- Nội dung:** HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi và nhóm làm sơ đồ tư duy.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>-Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li><i>Lí giải vì sao NCT có thể ngất ngưỡng được như thế?</i></li><li><i>Từ phong cách sống tích cực của Nguyễn Công Trứ, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu lên vấn đề tuổi trẻ ngày nay cần có những phẩm chất, năng lực gì và phải làm gì để có những phẩm chất, năng lực ấy?</i></li></ol> <p><b>- Bước 2: HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi.</b> GV tổ chức cho HS thảo luận nhanh trên lớp.</p> <p><b>- Bước 3: Nhận xét</b></p>	<p>Sở dĩ NCT có thể ngất ngưỡng được như thế là vì ông ý thức được tài năng của bản thân. Ông là một người bản lĩnh và cá tính.</p>

Gọi đại diện phát biểu.  
 Hs chia sẻ bài viết, phản biện và trao đổi  
**- Bước 4: GV chuẩn kiến thức.**  
*GV nhận xét, định hướng*  
 – GV cần lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số câu của đoạn theo quy định.  
 – GV thu sản phẩm thực hành luyện tập, vận dụng của HS để theo dõi và đánh giá khả năng viết của các em, khi cần, có thể sử dụng làm tư liệu trong dạy học viết.

#### 4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được các từ ngữ, hình ảnh thơ trong việc thể hiện tâm trạng và cảm xúc của nhân vật trữ tình.
- Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.
- Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS làm ở nhà)

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>B1. Giáo viên giao nhiệm vụ:</b>  <i>? Nếu coi “ngát ngưỡng” là thái độ sống thì thái độ sống đó ntn? Thái độ sống đó có phải là lối sống lập dị, cố làm cho khác người của một bộ phận trong xã hội hiện nay hay không?</i></p> <p><i>? Tuổi trẻ ngày nay cần làm gì để thể hiện được phong cách sống ngát ngưỡng tích cực?</i>            Vận dụng làm tiếp những bài tập trong Sách bài tập Ngữ văn 11.</p> <p><b>B2. HS làm việc cá nhân.</b>  <b>B3. HS báo cáo.</b>  <b>B4. GV nhận xét và chuẩn kiến thức.</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thái độ sống của Nguyễn Công Trứ có được dựa trên tài năng và bản lĩnh.</li> <li>- Tuổi trẻ cần nhìn nhận khía cạnh tích cực để có lối sống đúng đắn cho bản thân</li> </ul>

**5. Củng cố:**

- ? Ngoài chủ đề chính, Bài ca ngát ngưỡng còn có chủ đề nào khác?*
- ? Vận dụng các kiến thức em học/biết để giải thích từ “ngát ngưỡng”*
- Học thuộc bài thơ, ghi nhớ nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy hoặc grap
- Chuẩn bị bài mới:
  - + Suu tầm tư liệu, hình ảnh có liên quan đến bài học mới.
  - + Bài học rút ra.

**PHỤ LỤC**

**Phụ lục 1. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  
**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

<p>1. Chủ đề là gì? Chủ đề khác đề tài như thế nào? .....</p> <p>2. Văn bản VH có những cách phân loại nào về chủ đề? .....</p> <p>3. Căn cứ để phân biệt chủ đề chính và chủ đề phụ của Văn bản? Việc xác định chủ đề Chính/phụ của văn bản có luôn đạt được thống nhất không? .....</p> <p>4. Sự đa dạng chủ đề có tác dụng như thế nào đến một tác phẩm VH? .....</p>
<p>5. Vì sao cần giải thích nghĩa của từ? .....</p> <p>6. Những nhân tố nào chi phối việc lựa chọn cách giải thích nghĩa của từ? .....</p> <p>7. Có những cách giải thích từ ngữ cơ bản nào? .....</p> <p>8. Người ta có thể sử dụng nhiều cách giải thích nghĩa của một từ không? Vì sao?</p>

Ngày soạn:

**BÀI 9: LỰA CHỌN VÀ HÀNH ĐỘNG**  
**Tiết 93,94 - VĂN BẢN 2: VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC**  
**Nguyễn Đình Chiểu**  
**(02 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà tác giả bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc muốn gửi đến người đọc.

**2. Về năng lực:**

- Luyện tập tra cứu, tập giải thích nghĩa của từ đặc biệt là những từ cổ, từ địa phương, từ vay mượn thông qua cách phiên âm tiếng nước ngoài.

**3. Về phẩm chất:**

- Kính trọng và biết ơn những con người bình dị nhưng đã anh dũng dẫn thân, hi sinh cho Tổ quốc; đồng thời luôn nuôi dưỡng lòng quả cảm, khát vọng đóng góp cho cộng đồng

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, bảng, giấy A4, giấy A0, dụng cụ khác nếu cần...

**2. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên bộ “*Kết nối tri thức với cuộc sống*”; Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, bảng kiểm, rubric.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

### HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** tạo ấn tượng và tâm thế tích cực để giúp HS đi vào tìm hiểu một tác phẩm văn tế tiêu biểu trong văn học trung đại Việt Nam.

b. **Nội dung:** GV đặt câu hỏi liên quan; HS trả lời cá nhân.

c. **Sản phẩm:** Lời chia sẻ của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV đặt câu hỏi: <i>Hãy kể ngắn gọn về một tấm gương đã anh dũng hi sinh vì nền độc lập tự chủ của đất nước ta trong thời kì chống thực dân Pháp xâm lược.</i></p> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b> HS trả lời câu hỏi</p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b> HS suy nghĩ trả lời và chia sẻ</p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b> Giáo viên nhận xét và dẫn dắt vào bài học</p>	<p>Một số tấm gương anh dũng hi sinh vì nền độc lập tự chủ của đất nước ta trong thời kì chống thực dân Pháp xâm lược: La Văn Cầu, Bê Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện, Phan Đình Giót...</p>

### HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

a. **Mục tiêu:** Tìm hiểu khái quát thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. **Nội dung:** Gv trình chiếu video về tác giả, HS xem video ghi nhớ các thông tin cơ bản về tác giả, Hoạt động cá nhân tìm hiểu về tác phẩm.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về tác giả Nguyễn Đình Chiểu</b></p> <p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</b> GV trình chiếu video clip Danh nhân đất Việt: Cụ đồ Chiểu của VTV1 – Đài Truyền hình Việt Nam. Link video:  <a href="https://www.youtube.com/watch?v=dPqcCnOxKUU">https://www.youtube.com/watch?v=dPqcCnOxKUU</a></p> <p>HS kết hợp với đọc SGK ở nhà, trình bày 1 phút những thông tin cơ bản về tác giả theo các từ khóa đã cho: 1943, 1949, 1959, thể loại chính, tác phẩm nổi tiếng.</p> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b> HS xem video và trả lời câu hỏi</p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b> HS quan sát, ghi nhanh thông tin và trình bày 1p</p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b> câu trả lời của HS</p>	<p><b>I. Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>1. Tác giả</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1843, đỗ tú tài.</li> <li>- 1849, ông ra Huế chuẩn bị thi tiếp thì hay tin mẹ mất → bỏ thi, về quê → bị mù.</li> <li>Về Gia Định mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh cho dân và làm thơ.</li> <li>- 1959: Pháp chiếm Gia Định, chúng dụ dỗ, mua chuộc nhưng ông vẫn giữ trọn tấm lòng thủy chung son sắt với đất nước và nhân dân.</li> <li>- Thể loại sáng tác chính: Truyện thơ, Thơ Đường luật, văn tế.</li> <li>- Tác phẩm nổi tiếng: Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu, Ngư tiều y thuật vấn đáp, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc...</li> </ul>
<p><b>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về tác phẩm</b></p> <p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</b> GV đặt câu hỏi, HS dựa vào phần tìm hiểu trước trả lời</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí bài văn tế trong sáng tác NĐC và trong lịch sử văn học Việt Nam ?</li> <li>- Hãy nêu hoàn cảnh sáng tác bài văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc ?</li> <li>- Em hiểu như thế nào về thể loại văn tế? (mục đích, nội dung, hình thức).</li> </ul> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b> HS trả lời câu hỏi</p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b> HS suy nghĩ, trả lời</p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b> câu trả lời của HS</p>	<p><b>2. Văn bản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài văn tế nằm trong giai đoạn thứ 2 thuộc bộ phận văn thơ yêu nước của NĐC. Là tác phẩm có giá trị đặc biệt và độc đáo trong văn học dân tộc.</li> <li>- Văn tế là một thể văn dùng trong đời sống, có chức năng cơ bản là tế vong hồn, ca và ghi nhớ công đức người đã khuất.</li> <li>- Cấu trúc nội dung nói chung gồm ba phần: Tán (thể hiện nhận định, đánh giá, thường là ca ngợi công đức người được tế); Thân (khái quát về sự nghiệp, công lao, tài năng, đức độ,... của người được tế); Ai (bày tỏ niềm đau đớn, thương xót, sự kính trọng, ghi nhớ công ơn,... với người được tế)...</li> <li>- Ngôn ngữ: trang nghiêm, giản dị, dễ hiểu để thể hiện sự chân thành, kính trọng,... với người được tế.</li> </ul>

- Bút pháp: phối hợp đa dạng các yếu tố như nghị luận, tự sự, trữ tình, biểu cảm.

## Nội dung 2: Khám phá văn bản

**a. Mục tiêu:** khám phá Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc ở tất cả các khía cạnh, về nội dung tư tưởng cũng như nghệ thuật

**b. Nội dung:** GV tổ chức trao đổi trong bàn, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản và chia bố cục</b></p> <p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV đọc mẫu đoạn đầu văn bản, hướng dẫn HS cách đọc văn biền ngẫu (chú ý nhịp, tiết tấu, cấu trúc đối,)</li><li>- Hướng dẫn HS chia bố cục: HS thảo luận trong bàn, thực hiện yêu cầu: <i>Căn cứ vào hiểu biết chung về cấu trúc nội dung thể văn tế, hãy xác định bố cục và nêu nội dung chính của mỗi phần trong văn bản.</i></li></ul> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b> HS lắng nghe, đọc chú thích, suy nghĩ trao đổi trong bàn và chia bố cục văn bản.</p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b> Nghe, thảo luận, trả lời</p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b> Câu trả lời của HS</p>	<p><b>II. Khám phá văn bản</b></p> <p><b>1. Đọc – chia bố cục</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hướng dẫn đọc: Đoạn 1: giọng trang trọng Đoạn 2: từ trầm lắng khi hồi tưởng chuyển sang hào hứng, sảng khoái khi kể lại chiến công. Đoạn 3: trầm buồn, sâu lắng, xót xa, đau đớn. Đoạn 4: thành kính, trang nghiêm.</li></ul> <p>Chú ý các chú thích.</p> <p><b>a. Thể loại</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Văn tế (ngày nay gọi là điệu văn) là thể văn thường dùng để đọc khi tế, cúng người chết, nó có hình thức tế – tưởng.</li><li>- Bài văn tế thường có các phần:<ul style="list-style-type: none"><li>+ <i>Lung khởi</i> (cảm tưởng khái quát về người chết).</li><li>+ <i>Thích thực</i> (hồi tưởng công đức của người chết).</li><li>+ <i>Ai vãn</i> (than tiếc người chết).</li><li>+ <i>Kết</i> (nêu lên ý nghĩa và lời mời của người đứng tế đối với linh hồn người chết).</li></ul></li></ul> <p><b>b. Bố cục văn bản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Đoạn 1 (gồm 9 câu đầu, ứng với phần <b>Tán</b> trong cấu trúc nội dung bài văn tế): ca</li></ul>

## Nhiệm vụ 2: Đọc - hiểu văn bản

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp làm 4 nhóm, tìm hiểu theo bố cục đã chia ở trên:

- **Nhóm 1:** Tìm hiểu **đoạn 1 - phần Tán (9 câu đầu)**, trả lời câu hỏi trong 2, 3 SGK

+ Câu văn mở đầu “Súng giặc đất rên; Lòng dân trời tỏ.” có ý nghĩa như thế nào trong việc thể hiện tư tưởng chung của bài văn tế?

+ Lòng căm thù giặc của người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc được tác giả thể hiện trong tác phẩm như thế nào?

ngợi tâm lòng vì nghĩa lớn của người nông dân nghèo khổ.

+ Đoạn 2 (6 câu tiếp theo, ứng với **nửa trước** của phần **Thán** trong cấu trúc nội dung bài văn tế): tinh thần dũng cảm kiên cường của người nghĩa sĩ nông dân trước sức mạnh sùng đạn của kẻ thù xâm lược.

+ Đoạn 3 (10 câu tiếp theo, ứng với **nửa sau** của phần **Thán** trong cấu trúc nội dung bài văn tế): lí giải nguyên nhân, cơ sở của hành động hi sinh vì nghĩa của người nghĩa sĩ nông dân.

+ Đoạn 4 (5 câu còn lại, ứng với phần **Ai** trong cấu trúc nội dung bài văn tế); ý nghĩa cao cả của sự hi sinh và tình cảm xót thương của nhân dân đối với những người vì nước quên thân.

## 2. Đọc - hiểu văn bản

### 2.1. Phần Tán (9 câu đầu)

\* Câu văn mở đầu có chức năng khái quát nội dung tư tưởng chung của bài văn. Câu văn nhấn mạnh cuộc đối đầu giữa lòng dân và súng đạn kẻ thù.

- Tình thế đất nước nguy cấp, tiếng súng quân giặc làm rung chuyển non sông, vận mệnh dân tộc là điều thiêng liêng nên mỗi công dân phải đặt lên trên hết.

- Lúc đất nước nguy nan mới hiểu hết lòng dân. Xuất phát từ quan điểm của thời trung đại và sự chiêm nghiệm về vận nước, tác giả nhấn mạnh: chỉ trời cao mới thấu tỏ phẩm đức trung trinh của người dân vốn lặng lẽ bình thường; chỉ có sức mạnh lòng dân mới xoay chuyển được vận mệnh quốc gia.

- Hai vế câu cô đúc đặt trong thế đối ngẫu “súng giặc” – “lòng dân” đã nhấn mạnh vẻ đẹp sáng ngời của hình tượng chính

-> Câu mở đầu đã khái quát bối cảnh thời đại và chân dung tinh thần của người nghĩa binh Cần Giuộc.

\* Lòng căm thù giặc của người nghĩa sĩ

*nông dân Cần Giuộc:*

- Người nông dân nghèo khó cơ cực nhưng lại là những con người có ý thức sâu sắc về tự chủ quốc gia dân tộc. Ý thức tự chủ quốc gia của họ không gắn với tư tưởng có tính lí luận cao siêu mà gắn với nỗi bất bình, căm phẫn khi cuộc sống bình dị an phận bỗng dưng bị tàn phá. Đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành động khảng khái nghĩa hiệp, quyết không đội trời chung với kẻ thù cướp nước.

- Lòng căm thù giặc của người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc có sự chuyển biến:

+ Ban đầu, họ đã hồi hộp lo lắng với tâm lí thụ động, trông đợi vào hành động của triều đình: “Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa;”

+ Về sau, thái độ căm ghét của nhân dân lao động hết sức mãnh liệt: “Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.”. Nổi oán hận quân cướp nước được thể hiện bằng nhiều từ ngữ, hình ảnh có sắc thái biểu cảm mạnh mẽ: “Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan; Ngày xem ông khói chạy đen sì, muốn ra cắn cỏ”.

+ Lòng căm thù giặc sâu sắc của người nghĩa sĩ nông dân được chuyển hoá thành ý thức sống cao thượng, lựa chọn dứt khoát, hành động xả thân đầy trượng nghĩa. Trước tình thế nước mất nhà tan, họ đã hoàn toàn tự nguyện gánh trên vai trách nhiệm với quê hương, đất nước: “Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu; Hai vầng nhật nguyệt chói loà, đâu dung lũ treo dê bán chó. Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình; Chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ”.

+ Một loạt từ ngữ, điển cố thể hiện ý thức về vận mệnh dân tộc và chân lí chính nghĩa cao cả mang tầm quốc gia (một mối xa thư đồ sộ, hai vầng nhật nguyệt chói loà) đặt trong cấu trúc câu văn biến ngẫu mang hàm

- **Nhóm 2:** Tìm hiểu đoạn 2 - đầu phần Thán (câu 10 -> 15), trả lời câu hỏi 4, 5 trong SGK

+ Tìm và liệt kê các động từ mà tác giả đã sử dụng để thể hiện tinh thần chiến đấu dũng cảm của các nghĩa sĩ Cần Giuộc.

ý lựa chọn và quan hệ tăng tiến (há để... đầu dung..., nào đợi... phen này xin, chẳng thêm... chuyến này dốc...) đã thể hiện chân lí: lòng căm thù sẽ biến thành sức mạnh chiến đấu. Mỗi cá nhân đều gắn số phận của bản thân với sự tồn vong của núi sông; trong mỗi con người bình thường đều sẵn có ý niệm thường trực hướng về Tổ quốc thiêng liêng.

-> Từ tình yêu cuộc sống, khát vọng gìn giữ quê hương, thái độ căm ghét sự tàn ác xấu xa đến ý thức tự nguyện giữ nước và cuối cùng là hành động quên mình trong đánh giặc là một logic tất yếu, có tính biện luận sâu sắc.

## 2.2. Phần Thán

### a. Đầu phần Thán (câu 10 -> 15)

\* Một số động từ được tác giả sử dụng, thể hiện rõ nét lòng quả cảm của các nghĩa sĩ Cần Giuộc. Các động từ này tập trung ở đoạn văn thứ hai, khái quát tinh thần chiến đấu của nghĩa binh trong sự kiện công đồn: đánh, đốt, chém, đập, lướt, xô, xông, đâm, hè, ....

- Các động từ trên được kết hợp với các từ chỉ phương thức (bằng), chỉ ý hoàn thành (xong, rót,...), ý nối tiếp (tới, vào,...) hoặc phương vị (ngang, ngược, trước, sau,...) đã diễn tả dồn dập sức mạnh chiến đấu kiên cường, như nước vỡ bờ, với tinh thần không nao núng trước sức mạnh giặc Tây. Về mặt hình thức, các động từ trên được sử dụng thành từng cặp trong cấu trúc đối, thể hiện sự tăng tiến về cấp độ và không khí dồn dập khẩn trương của chiến trận.

- Đây đều là các động từ đơn âm tiết, nét nghĩa cụ thể, dứt khoát, mạnh mẽ; lại là những từ thuần Việt, thường được dùng trong ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày của người nông dân, thể hiện rõ tính tương phản với điều kiện thiếu thốn, trang bị thô sơ và lực lượng ít ỏi nên có giá trị biểu cảm trực tiếp, gây xúc cảm mạnh trong lòng người

+ *Tinh thần chiến đấu anh dũng của người nghĩa sĩ nông dân trong trận quyết chiến tấn công đồn giặc được tác giả thể hiện như thế nào?*

đọc.

*\* Nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc bước vào trận đánh với tư cách người lính bất đắc dĩ:*

- Họ chỉ là “dân ấp dân lân”, vốn chỉ biết việc cày việc cuốc chứ không thuộc bất kì lực lượng chuyên nghiệp nào trong các cuộc chiến đấu. Họ bước vào trận đánh mà không có bất kì sự chuẩn bị nào: chưa từng học binh thư, chưa từng được luyện tập sử dụng vũ khí; thậm chí việc tập rèn võ nghệ của quân đội cũng “mắt chưa từng ngó”. Tuy nhiên, vì mến nghĩa mà “làm quân chiêu mộ”.

– Nghĩa sĩ nông dân chỉ có: “ngoài cật có một manh áo vải”, họ tự trang bị cho mình vũ khí xung trận là những công cụ lao động, những vật dụng thô sơ quen thuộc với nghề nông: *ngọn tầm vông, rơm con cúi, lưỡi dao phay...*

– Người nghĩa sĩ nông dân có lòng nghĩa hiệp và tinh thần tự nguyện, tự giác cao độ. Họ hiểu rõ về tương quan lực lượng trong cuộc đối đầu nhưng nhất quyết xả thân vì nghĩa, “nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to”; “trời kệ tàu sắt tàu đồng súng nổ”; họ chẳng cần đến cờ dong trống giục mà vẫn “đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không”;... + Hành động xả thân vì nghĩa, ý thức đem thân hứa quốc của người nghĩa binh được thể hiện trong tác phẩm với giọng văn trầm hùng và âm hưởng bi tráng. Hình ảnh những con người chân chất bình dị đã hoá thân thành biểu tượng anh hùng bất tử.

*\* Lý giải nguyên nhân, cơ sở của hành động xả thân vì nghĩa của nghĩa binh Cần Giuộc:*

- Nghĩa sĩ nông dân đã xả thân vì nghĩa đúng như cốt cách, phẩm chất, lẽ sống bình dị của họ. Biết rằng bước vào trận chiến sinh tử thì mấy ai trở về nhưng họ vẫn tự nguyện xung trận. Họ đâu cần lưu danh sử sách như người theo nghiệp binh đao, có lẽ sống “da ngựa bọc thây”, “gươm hùm treo mộ” mà vì họ chiến đấu vì tình yêu quê hương, đất nước và lòng căm thù giặc ngút

- **Nhóm 3:** Tìm hiểu **đoạn 3 – nửa sau phần Thán (câu 16 -> 25)**, trả lời câu hỏi 6 trong SGK

+ Từ câu 16 -> 25, tác giả đã nhìn nhận ra sao về hành động xả thân vì nghĩa của người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc?

trời.

– Người nghĩa sĩ chấp nhận sự hi sinh mà lẽ ra sự hi sinh đó không thuộc chức trách của họ. Họ không phải lực lượng quân đội của triều đình; cũng chẳng phải vì phạm tội mắc lỗi mà bị đày vào chỗ chết, chẳng phải vì ai đòi ai bắt.... Sự hi sinh của họ để lại niềm đau thương khôn nguôi, khiến cả thiên nhiên và con người xúc động: “Đoái sông Cần Giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng...lụy nhỏ”

– Người nghĩa sĩ Cần Giuộc xả thân vì nước trước hết xuất phát từ sự lựa chọn một cuộc sống “có nghĩa”: ơn vua ơn nước (“tác đất ngọn rau ơn chúa tài bồi cho nước nhà ta”); không chấp nhận việc “quăng vùa hương, xô bàn độc”, vứt bỏ tổ tiên nguồn cội. Tuy cả đời cui cút khó nhọc nhưng họ là những người giàu lòng tự trọng, thấu hiểu đạo lí làm người.

- Hành động xả thân vì nghĩa còn xuất phát từ nhận thức về kẻ thù của người nông dân nghĩa binh: vô cơ xâm lăng một đất nước có chủ quyền, chẳng “mắc mớ chi” mà giày xéo quê hương, làm tan nát cả “bát cơm manh áo” người dân; những kẻ “man di” ấy đã khinh nhờn văn hoá, tín ngưỡng ngàn đời của truyền thống ông cha,...

– Thà chết vinh còn hơn sống nhục là một lựa chọn khẳng khái, dứt khoát:”Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh”...; họ không chấp nhận cuộc sống đốn hèn, hổ thẹn, “thà thác” chứ không chịu ”đầu Tây”.

-> Sự lựa chọn cách sống, hay đúng hơn là chấp nhận chết để bảo toàn khí tiết, danh dự, một cách tự nhiên của người nghĩa sĩ Cần Giuộc đã được Nguyễn Đình Chiểu nâng lên ngang tầm cách ứng xử của một mẫu anh hùng lí tưởng.

### **2.3. Phần Ai**

\* Ý nghĩa cao cả của sự hi sinh và bày tỏ tình cảm xót thương của nhân dân đối với

<p><b>- Nhóm 4:</b> Tìm hiểu phần <b>Ai</b>, trả lời câu hỏi 7 trong SGK</p> <p>+ Ý nghĩa của sự hi sinh và tình cảm của nhân dân dành cho người nghĩa sĩ được tác giả thể hiện trong phần cuối bài văn (từ “Ôi thôi thôi!” đến hết gọi cho em những suy nghĩ gì về lễ sống?</p> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b> HS trao đổi nhóm, trả lời câu hỏi</p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b> HS trình bày phần làm việc nhóm</p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b> Phần trình bày của HS, Kết quả làm việc nhóm</p>	<p><i>những người vì nước quên thân:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự xót thương dành cho người nghĩa sĩ được tác giả thể hiện trong niềm xúc động mạnh mẽ. Nỗi đau thương trùm lên đời sống và số phận của “mẹ già ngồi khóc trẻ”, của “vợ yếu chạy tìm chồng”</li> <li>- Thương đau mắt mắt không khiến nhân dân gục ngã, mà biến thành sức mạnh. Cái chết của nghĩa binh đánh động người còn sống ý thức hơn về số phận của đồng bào, nhắc nhở rằng binh tướng giặc còn đó đã làm cho “bốn phía mây đen”, phải tiếp tục vùng lên để cứu nước.</li> <li>- Sự hi sinh của người nghĩa sĩ đã hoá thân vào trời đất núi sông, sống mãi với thời gian: “Ôi! Một trận khói tan, nghìn năm tiết rỡ”; “tấm lòng son” và gương hi sinh của họ vàng vạc như “bóng trăng rằm”.</li> <li>- Sống một đời bình dị nhưng biết xả thân vì nghĩa, sự hi sinh của nghĩa sĩ khiến họ được tôn vinh, tiếng thơm lưu truyền; nhân dân kính ngưỡng thờ phụng: “Thác mà trả nước non rồi nợ, ... muôn đời ai cũng mộ”.</li> <li>- Chết mà linh hồn nghĩa binh vẫn cùng nhân dân đánh giặc. Ước nguyện đã trở thành lời thề thiêng liêng vang vọng núi sông: “Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia; Sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã rành rành, một chữ âm đủ đền công đó”;... Cái chết hoá thân vào núi sông, cái chết hoá thành bất tử.</li> <li>- Lễ sống: Mỗi người cần có lễ sống cao đẹp, xuất phát từ tình yêu, khát vọng chân chính, biết phụng sự cho cộng đồng... Cần tránh lối sống hẹp hòi, ích kỉ, ...</li> </ul>
--	--

### Nội dung 3: Tổng kết

a. **Mục tiêu:** Khái quát được đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản

b. **Nội dung:** GV đặt câu hỏi, hướng dẫn HS khái quát vấn đề

c. **Sản phẩm:** câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</b> GV nêu câu hỏi: Nêu những giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?</p> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b> suy nghĩ, trả lời</p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b> trả lời câu hỏi</p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b> câu trả lời của HS</p>	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nghệ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chất trữ tình</li><li>- Thủ pháp tương phản và cấu trúc của thể văn biến ngẫu.</li><li>- Ngôn ngữ vừa trân trọng vừa dân dã, mang đậm sắc thái Nam Bộ.</li></ul> <p><b>2. Ý nghĩa văn bản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vẻ đẹp bi tráng của người nông dân nghĩa sĩ.</li><li>- Lần đầu tiên trong văn học Việt Nam, người nông dân có mặt ở vị trí trung tâm và hiện ra với tất cả vẻ đẹp vốn có của họ.</li></ul>

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:**

- Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của văn tế

b. **Nội dung:** HS làm việc cá nhân

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>GV cho HS hoàn thành PHT</p> <table border="1"><tr><td>Lai lịch</td><td>Thái độ,</td><td>Vẻ đẹp</td><td>Nghệ</td></tr></table>	Lai lịch	Thái độ,	Vẻ đẹp	Nghệ	<p><b>* Lai lịch và hoàn cảnh sinh sống</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Là những người nông dân sống cuộc đời lao động lam lũ, vất vả, hoàn toàn xa lạ với công việc binh đao (Câu 3, 4, 5)</li></ul>
Lai lịch	Thái độ,	Vẻ đẹp	Nghệ		

và hoàn cảnh sinh sống	hành động khi quân giặc tới	hào hùng khi xông trận	thuật
<p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b> làm việc cá nhân</p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b> HS báo cáo</p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b></p>			

**\* Thái độ, hành động khi quân giặc tới**

- Khi quân giặc xâm phạm đất đai bờ cõi cha ông, họ đã có những chuyển biến lớn:
- Về tình cảm: Căm thù giặc sâu sắc (Câu 6, 7)
- Về nhận thức: ý thức được trách nhiệm đối với sự nghiệp cứu nước (Câu 8; 9)
- +Hành động: Tự nguyện chiến đấu (Câu 10; 11)

**\*Về đẹp hào hùng khi xông trận**

- Vào trận với những thứ vẫn dùng trong sinh hoạt hàng ngày (Câu 12, 13)
- ( Về đẹp mộc mạc, chân chất nhưng độc đáo.
- Khí thế chiến đấu: Tiến công như vũ bão, đập lên đầu thù xóc tới, không quản ngại bất kì sự hi sinh gian khổ nào, rất tự tin và đầy ý chí quyết thắng (Câu 14, 15)

**\*Nghệ thuật**

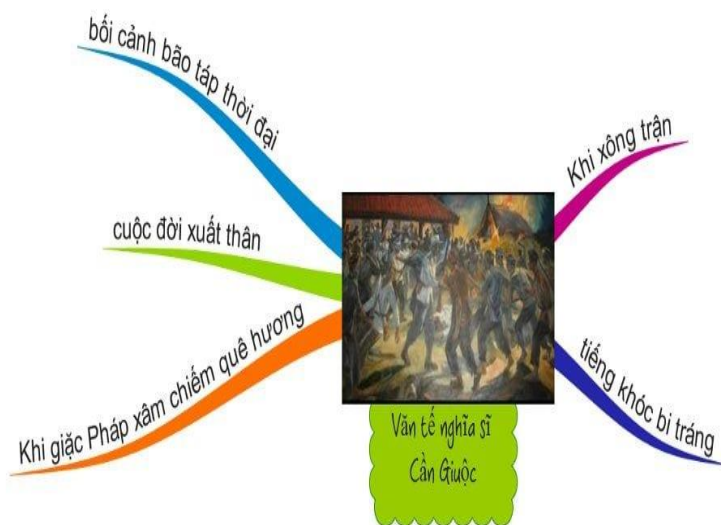
- Động từ mạnh, dứt khoát: Đánh, đốt, chém, đập, xô.
- Từ đan chéo tăng sự mãnh liệt: đâm ngang, chém ngược, lướt tới, xông vào.
- Cách ngắt nhịp ngắn gọn.
- Hàng loạt hình ảnh đối lập Ta - địch; Sự thô sơ - hiện đại; Chiến thắng của ta – thất bại của giặc.
- Chi tiết chân thực được chọn lọc, cô đúc từ đời sống thực tế nhưng có tầm khái quát cao.

#### HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao
- b. **Nội dung:** HS làm việc cá nhân
- c. **Sản phẩm:** Bài làm của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>*CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:</b></p> <p>- <b>Giáo viên giao nhiệm vụ:</b> ? Từ nội dung của bài văn tế, viết đoạn văn nghị luận khoảng 150 chữ nêu suy nghĩ của mình về “lựa chọn và hành động” của nghĩa sĩ Cần Giuộc khi đối đầu với kẻ thù xâm lược.</p> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b> HS làm việc cá nhân</p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b> HS báo cáo</p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b></p>	<p>- Về mặt hình thức, cần đảm bảo cấu trúc đoạn văn. Đoạn văn có thể tổ chức thành một hoặc một vài luận điểm.</p> <p>– Về mặt nội dung: Từ việc lí giải và nhận thức về vấn đề được nêu ra qua một tác phẩm văn học, HS cũng cần có những liên hệ thực tế; chấp nhận ý kiến phản biện với tinh thần tích cực. Có thể giải thích nội dung được đề cập trong tác phẩm rồi tiến hành bàn luận, đánh giá; cũng có thể vừa phân tích, vừa bàn luận một cách tổng hợp.</p> <p>+ “Lựa chọn” thể hiện nhận thức về đối tượng về con đường mình sẽ chọn; hơn thế là sự thể hiện niềm tin vào giá trị mà lí tưởng của mình khao khát hướng đến... “Hành động” là sức mạnh nội lực, xuất phát từ ý thức và lòng can đảm thực hiện khát vọng, lí tưởng mình đã chọn... “Lựa chọn và hành động” đúng đắn thể hiện một triết lí sống, một hành động sống có ý nghĩa tích cực; qua đó, sẽ tạo dựng nhân cách và giá trị cuộc đời của mỗi con người.</p> <p>+ Người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc đã “lựa chọn” lẽ phải, con đường vùng lên đấu tranh để giành lại độc lập tự do cho quê hương đất nước; “hành động” của họ là xả thân vì nghĩa lớn với tinh thần dứt khoát, với lòng dũng cảm, kiên cường,</p> <p>+ Nêu suy nghĩ của cá nhân và liên hệ bản thân, định hướng chung; trân trọng và biết ơn, khát vọng cống hiến, sẵn sàng hi sinh bản thân cho lí tưởng cao cả mà mình đã chọn,...</p>

**4. củng cố:** Vẽ sơ đồ tư duy bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (**Tham khảo sơ đồ tư duy sau**)



5. HDVN: Sưu tầm thêm 1 bài văn tế của Nguyễn Đình Chiểu

Ngày soạn:.....

Tiết 95,96- VĂN BẢN 3:

**CỘNG ĐỒNG VÀ CÁ THỂ**

(Trích Thế giới như tôi thấy - An-be Anh-xtanh - Albert Einstein)

Thời lượng thực hiện: 01 tiết

## I. MỤC TIÊU

### 1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề cộng đồng và cá thể được tác giả đề cập trong văn bản.
- Nhận biết và phân tích được hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng đã được tác giả triển khai và sử dụng.

### 2. Về năng lực:

- Học sinh vận dụng năng lực đọc hiểu văn bản nghị luận để đọc hiểu văn bản theo thể loại.
- Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết được văn bản nghị luận.
- Biết xử lí hài hòa mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể trong các tình huống cụ thể của đời sống.

3. Về phẩm chất: HS biết chủ động trong việc tiếp nhận và đánh giá quan điểm của người viết được trình bày trong văn bản.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Sách giáo khoa, sách giáo viên bộ “*Kết nối tri thức với cuộc sống*”; Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, bảng kiểm, rubric.

2. Học liệu: Máy chiếu, bảng, giấy A4, giấy A0, dụng cụ khác nếu cần...

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

### HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

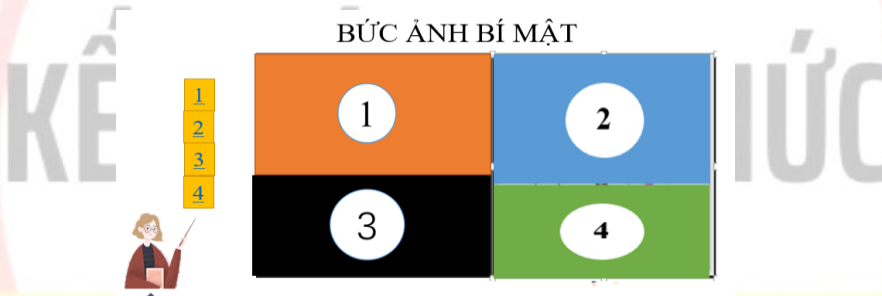
**a. Mục tiêu:**

- Xác định được nhiệm vụ học tập.
- Tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** HS tham gia trò chơi về chủ đề *Cộng đồng và mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng*.

**c. Sản phẩm:** Lời chia sẻ của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p>	
<p>*Chuyển giao nhiệm vụ: Học sinh tham gia trò chơi “<i>Bức tranh bí mật</i>”, chia sẻ suy nghĩ sau khi tìm ra bức tranh.</p> <p>GV thông qua luật chơi với HS:</p> <p>* Câu hỏi trong 4 mảnh ghép</p> <p>Mỗi học sinh sẽ lần lượt trả lời câu hỏi ở những mảnh ghép để tìm ra bức tranh bí mật của tiết học hôm nay, sau đó HS sẽ có 1 phút để chia sẻ suy nghĩ của mình về bức tranh tìm được.</p>	
<div style="text-align: center;">  <p>BỨC ẢNH BÍ MẬT</p> </div>	
<p><b>Câu 1:</b> Có thể phân loại chủ đề trong một văn bản có nhiều chủ đề theo những tiêu chí nào?</p>	
<p>Trả lời: 2 tiêu chí: Mức độ biểu hiện của chủ đề (chủ đề chính + chủ đề phụ); Tính chất những điều được biểu hiện (Chủ đề đặc thù dân tộc, chủ đề phổ quát nhân loại)</p>	
<p><b>Câu 2. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống</b></p>	
<p>....là vấn đề, tư tưởng, quan điểm, quan niệm được tập trung bàn luận trong văn bản (Luận đề)</p>	
<p><b>Câu 3:</b> Ý kiến khái quát thể hiện tư tưởng, quan điểm, quan niệm của tác giả về luận đề, được gọi là? (Luận điểm)</p>	
<p><b>Câu 4:</b> Điền từ còn thiếu vào chỗ trống</p>	
<p>....là những căn cứ cụ thể, sinh động được khai thác từ thực tiễn hoặc các tài liệu sách báo nhằm xác nhận tính đúng đắn, hợp lí của lí lẽ. (Bằng chứng).</p>	
<p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập:</b> HS tham gia trò chơi</p>	

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** HS suy nghĩ trả lời và chia sẻ

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

Bức tranh tìm được



Giáo viên nhận xét và dẫn dắt vào bài học

## HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

### 2.1. Tìm hiểu khái quát

**a. Mục tiêu:**

- Kích hoạt kiến thức nền liên quan đến văn bản
- Tạo tâm thế trước khi đọc văn bản
- Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm và vấn đề đặt ra từ văn bản.

**b. Nội dung:**

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.
- Kết quả trình bày của HS một số nét cơ bản về tác giả và văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những hình ảnh.</li><li>- GV đọc mẫu một đoạn.</li><li>- HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó.</li><li>- Tìm hiểu chú thích SGK để hiểu chính xác văn bản.</li></ul> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó.</li><li>- GV quan sát, khích lệ HS.</li></ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b></p>	<p><b>1. Đọc văn bản</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cộng đồng là “cùng chung với nhau”. Cộng đồng chính là một đoàn thể những người cùng sống, có điểm giống và gắn kết thành khối thống nhất trong sinh hoạt xã hội.</li></ul>

- Tổ chức trao đổi
- HS nhận xét lẫn nhau.

#### Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét cách đọc của HS

#### \*Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu tác giả - tác phẩm

##### B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trao đổi với nhau về phần Tri thức về tác giả - tác phẩm ở SGK/109 để nêu những hiểu biết về tác giả An-be Anh-Xtanh và tác phẩm “*Cộng đồng và cá thể*”

? Nêu hiểu biết về tác giả ( vị trí, ảnh hưởng...)

? Nêu hiểu biết về tác phẩm,

? Xác định bố cục của văn bản bằng phiếu học tập số 1 GV đã giao nhiệm vụ từ tiết học trước.

Nội dung câu hỏi		Phần trả lời của học sinh		
1. Văn bản nhằm mục đích gì?	.....			
	.....			
2. Xác định nội dung từng phần?	<b>Bố cục</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Nội dung</b>	
	<b>Phần 1</b>	Từ....đến....		
	<b>Phần 2</b>	Từ....đến....		
	<b>Phần 3</b>	Từ....đến....		

#### 2. Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

##### a. Tác giả: An-be Anh-Xtanh

- 1879-1955

- Nhà vật lí lí thuyết người Đức

- Là một trong những nhà bác học vĩ đại nhất mọi thời đại, có tầm ảnh hưởng lớn lao trong nhiều lĩnh vực từ khoa học, tư tưởng, tôn giáo đến chính trị.

- Ông được trao giải thưởng Noben Vật lí năm 1921.

##### b. Tác phẩm Cộng đồng và cá thể

- Tiểu luận trích từ *Thế giới như tôi thấy* – một cuốn sách quan trọng thể hiện tư tưởng của An-be Anh-xtanh về nhiều vấn đề lớn của khoa học và đời sống.

Nội dung câu hỏi	Phần trả lời của học sinh		
1. Văn bản/nhằm mục đích gì?	Bản về mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể.		
2. Xác định nội dung từng đoạn?	<b>Phần 1</b>	Từ đầu đến “những đánh giá về anh ta”	Sự chi phối tự nhiên của cộng đồng đến cá thể.
	<b>Phần 2</b>	Từ tiếp theo đến “một cách trong đó giữa cá nhân với cộng đồng”	Vai trò tích cực của cá thể đối với việc xây dựng cộng đồng.
	<b>Phần 3</b>	Còn lại	Chiều hướng phát triển của mối quan hệ giữa cộng đồng với cá nhân trong “thời đại chúng ta đang sống”.

<p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc nhanh và gạch chân những ý quan trọng về tác giả và tác phẩm.</li> <li>- HS hoàn thiện phiếu học tập đã chuẩn bị trước ở nhà.</li> </ul> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời cá nhân.</li> </ul> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.</li> </ul>	
--	--

## 2.2. Khám phá văn bản

### a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề cộng đồng và cá thể được tác giả đề cập trong văn bản.
- Nhận biết và phân tích được hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng đã được tác giả triển khai và sử dụng.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm theo hướng dẫn của GV trên phiếu học tập (giấy A0).

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

### d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1. HS hoạt động nhóm với các câu hỏi 1,2,3,4,5 trong SGK</b></p> <p><b>B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chia lớp thành 4 nhóm: HS thảo luận nhóm 5 phút để hoàn thành phiếu học tập số 2A và 2B</li> <li>+Nhóm 1: Phần 1</li> <li>+Nhóm 2: Phần 2</li> <li>+ Nhóm 3: Phần 3</li> <li>+ Nhóm 4: Trả lời câu hỏi số 5 sgk/110</li> </ul> <p><b>B2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> HS làm việc nhóm đọc tài liệu, tìm kiếm, trao đổi và điền các thông tin thu thập được vào phiếu học tập đúng thời gian quy định.</p>	<p><b>1. Sự chi phối tự nhiên của cộng đồng đến cá thể</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- LD 1: Căn cước và ý nghĩa tồn tại của mỗi cá thể trước hết do cộng đồng quy định Đ1</li> <li>+ LC1: Ăn thức ăn người khác trồng, mặc quần áo người khác may, sống trong nhà người khác xây.</li> <li>+ LC2: Những gì ta hiểu biết và tin tưởng đều do người khác bày cho ta..</li> </ul> <p><b>2. Vai trò tích cực của cá thể đối với việc xây dựng cộng đồng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- LD2: Cái làm nên giá trị của một cá thể phụ thuộc trước hết vào việc cá thể đó giúp ích được bao nhiêu cho sự tồn tại của người khác (Đoạn 2)</li> <li>+ LC1: Phụ thuộc vào những tình cảm, suy nghĩ, hành động của anh ta</li> <li>+ LC2: Tùy theo thái độ mà đánh giá anh ta tốt hay xấu</li> </ul>

Câu hỏi	Trả lời
Câu hỏi 5/Sgk/110 (Nhóm 4)	
Phía cá thể	Phía cộng đồng
.....	.....
.....	.....
.....	.....

**PHIẾU HỌC TẬP 2A**

Phần 1: Sự chỉ phối tự nhiên của cộng đồng đến cá thể. (Nhóm 1)	
Luận điểm	Li lẽ và bằng chứng
LD1:	LC1: LC2: LCn:
Phần 2: Vai trò tích cực của cá thể đối với việc xây dựng cộng đồng. (Nhóm 2)	
	LC1: LC2: LCn:
LD3:	LC1: LC2: LCn:
LD4:	LC1: LC2: LCn:
Phần 3: Chiều hướng phát triển của mối quan hệ giữa cộng đồng với cá nhân trong "thời đại chúng ta đang sống". (Nhóm 3)	
LD5:	LC1: LC2: LCn:
LD6:	LC1: LC2: LCn:

**PHIẾU HỌC TẬP 2B**

**B3: Báo cáo thảo luận**

HS cử đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, các HS khác lắng nghe, góp ý, bổ sung và đánh giá theo Rubric GV đã cung cấp

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá theo rubric.

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ PHÂN TRÌNH BÀY GIỮA CÁC NHÓM**

Tiêu chí	Mức độ đạt được			
	Tốt (4)	Khá (3)	Trung bình (2)	Cần điều chỉnh (1)
Luận điểm rõ ràng, luận cứ, luận chứng thuyết phục				
Lập trường vững vàng				
Sử dụng đa dạng, phù hợp các phương tiện phi ngôn ngữ khi trình bày (sơ đồ, hình ảnh)				
Trả lời tốt các câu hỏi của người đối thoại				
Tự tin, lịch sự, tôn trọng người đối thoại				
Tương tác tốt với người nghe				
Giọng nói rõ ràng, lưu loát, truyền cảm				
Điều bộ, nét mặt, cử chỉ phù hợp...				

- LD3: Một cá thể đơn lẻ không thể thiếu “mảnh đất dinh dưỡng” của cộng đồng, nhưng ngược lại cộng đồng sẽ không phát triển nếu thiếu hoạt động của những cá thể sáng tạo (Đoạn 3,4)

+ LC1: Tất cả tài sản, vật chất, tinh thần và đạo đức mà chúng ta nhận được từ cộng đồng đã được tạo dựng bởi những cá thể đơn lẻ...

+ LC2: Chỉ cá thể mới có thể tư duy và qua đó, tạo ra những giá trị mới cho xã hội

- LD4: Cộng đồng lành mạnh là cộng đồng khuyến khích tính độc lập của những cá thể đồng thời đảm bảo sự liên kết bên trong của những cá thể để làm nên xã hội (đoạn 5)

+ LC1: Nền văn hóa Hy – Âu- Mỹ nói chung và đặc biệt là cao trào văn hóa thời Phục Hưng [...] đã đặt nền tảng trên sự giải phóng cá nhân.

**3. Chiều hướng phát triển của mối quan hệ giữa cộng đồng với cá nhân trong “thời đại chúng ta đang sống”**

- LD5: Trong thời đại ngày nay, cộng đồng đang bị yếu đi vì vai trò sáng tạo, dẫn dắt của các cá thể phần nào bị lu mờ, trong khi đó các chế độ độc tài “xuất hiện và được dựng” Đ6,7

+ LC1: So với thời trước, [ ....] giảm sút

+ LC2: Chỉ có một số ít người.... như một nhân cách

+ LC3: Hội họa, âm nhạc.... trong công chúng.

+ LC4: Trong chính trị....

- Tác giả thể hiện cách tư duy khác biệt về vấn đề bởi cách lật đi lật lại vấn đề của tác giả vô cùng khéo léo và tinh tế. Bởi nó không chỉ liên mạch mà nó còn không làm gián đoạn mạch cảm xúc của toàn bài, ví dụ như:

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ HS HOẠT ĐỘNG NHÓM**

Cấp độ	Tốt	Khá	Trung bình	Cần điều chỉnh
<b>Tiêu chí</b>	<b>4 điểm</b>	<b>3 điểm</b>	<b>2 điểm</b>	<b>1 điểm</b>
<b>1. Sự tham gia</b>	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả thời gian trên lớp.	Tham gia đầy đủ, chăm chỉ làm việc trên lớp hầu hết thời gian.	Tham gia nhưng thường vắng phi thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng hiện những cố không liên qua
<b>2. Trao đổi, tranh luận trong nhóm</b>	Chủ ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những thành viên khác, đưa ra ý kiến cá nhân.	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân.	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của những người khác. Thường không có ý kiến riêng trong hoạt động của nhóm.	Không lắng nghe ý kiến của những người khác, không được ý kiến riêng.
<b>3. Sự hợp tác</b>	Tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác nhưng chưa hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Không tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra chung.
<b>4. Sự sắp xếp thời gian</b>	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian và làm đình trệ công việc của nhóm.	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian và thường bước nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi

+ Tác giả là người có những đóng góp to lớn cho sự phát triển của khoa học trên thế giới nhưng lại nghĩ đến sự mang ơn.....

+ Nhà khoa học thương là người mải mê nghiên cứu.....

- LD6: Cộng đồng sẽ khỏe mạnh trở lại với việc phân công lao động có kế hoạch, tạo điều kiện cho sự phát triển của các cá thể, cũng là điều kiện cho cộng đồng có được bước phát triển mới. (đoạn 8)

+ LC1: Theo ý kiến.... nặng nề

+ LC2: Mặt khác, kĩ thuật phát triển.... nhu cầu chung

+ LC3: Việc phân công lao động.... phát triển nhân cách

**4. Những đòi hỏi đối với mỗi cá nhân và đối với cả cộng đồng**

Phía cá thể	Phía cộng đồng
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỗi người là một thành viên của cộng đồng</li> <li>- Mỗi cá thể phải biết cống hiến và hi sinh vì lợi ích của cộng đồng</li> <li>- Mỗi cá thể phải không ngừng sáng tạo, suy nghĩ, phải thể hiện cá tính và sự độc lập về tinh thần của mình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sức mạnh của cộng đồng là nhờ sự gắn kết với sự sáng tạo của từng cá thể</li> <li>- Coi trọng việc giải phóng sức sáng tạo của cá nhân.</li> <li>- Thực hiện phân công lao động có kế hoạch.</li> </ul>

**5. Niềm tin vào một tương lai tốt đẹp**

- Là tư duy tích cực mà Anhtan muốn gửi gắm tới người đọc, mang lại sự lạc quan, định hướng những điều tốt đẹp trong nhận thức và hành động của cộng đồng và cá thể.

- Tư duy tích cực của tác giả được biểu hiện qua sự phát triển kinh tế, kĩ thuật, qua việc đưa ra những lý do của vấn đề, đó là xuất

<p><b>Nhiệm vụ 2: HS làm việc cá nhân với câu hỏi 6, 7 SGK.</b></p> <p><b>B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:</b></p> <p>- GV giao nhiệm vụ cho cả lớp trả lời câu hỏi 6,7 SGK.</p> <p><b>B2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> HS làm việc cá nhân</p> <p><b>B3: Báo cáo thảo luận</b></p> <p>HS trả lời câu hỏi theo cá nhân với sự gợi dẫn của GV</p> <p><b>B4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét, đánh giá.</p>	<p>phát từ cuộc sống phát triển, từ sự phát triển vượt bậc của xã hội. Con người vẫn đang cố gắng để thích nghi được với cuộc sống này và trong quá trình đó, những vấn đề kia cơ bản chỉ là sự sai sót trong quá trình thích nghi của con người. Chúng ta hoàn toàn có thể khắc phục nó trong tương lai.</p> <p><b>6. Thông điệp có ý nghĩa thời sự cho đến ngày nay</b></p> <p>- Những nhận định khái quát của tác giả về “thời đại mà chúng ta đang sống”, đến ngày nay nó còn phù hợp với thực tế một phần. Bởi dường như những vấn đề mà con người đã từng gặp ở thế kỉ XX vẫn đang lặp lại với chúng ta – tại thế kỷ này.</p> <p>- Tư duy của con người vẫn không ngừng được phát triển và ngày càng đưa cuộc sống của chúng ta thêm hiện đại và văn minh hơn bằng sự phát triển của công nghệ và máy móc. Hay những vấn đề nổi cộm về chính trị vẫn đang hiện hữu tại đâu đó... Tất cả đều vẫn diễn ra như một phần của tạo hóa với những vấn đề như nhau. Đó dường như là quy luật chung của cuộc sống.</p>
--	---

**2.3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản, rút ra thông điệp sâu sắc cho bản thân.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>GV hướng dẫn HS khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản bằng câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông tin cơ bản nào?</li> <li>+ Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo</li> </ul>	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nội dung:</b></p> <p>- Văn bản đã trình bày quan điểm của tác giả về mối quan hệ chặt chẽ giữa cá thể và cộng đồng; những biến động tiêu cực của mối quan hệ đó trong xã hội hiện đại; một số nhân tố tích cực đảm bảo cho sự phát triển</p>



BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG VIẾT MỘT ĐOẠN VĂN			
TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐẠT	CHƯA ĐẠT
1. Hình thức	Đảm bảo yêu cầu hình thức đoạn văn.		
2. Bố cục	Đoạn văn được triển khai theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích hoặc song hành.		
Mở đoạn	Có câu chủ đề.		
Thân đoạn	Trình bày các luận cứ để triển khai luận điểm. Các lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu. Lí lẽ và bằng chứng kết hợp nhuần nhuyễn, chặt chẽ, thuyết phục. Khí chuyển ý có từ nối.		
Kết đoạn	Khẳng định lại vấn đề.		
3. Chính tả, ngữ pháp	Bảo đảm chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.		
4. Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt sáng tạo, mới mẻ.		

### HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** HS vận dụng kĩ năng đọc văn bản nghị luận để đọc mở rộng các văn bản nghị luận khác ( Văn bản “*Làm việc cũng là làm người*” (Trích “*Đúng việc – một góc nhìn về câu chuyện khai minh*” SGK/120-121)
- b. **Nội dung:** HS đọc văn bản và hoàn thành các phiếu học tập (làm ở nhà) và nộp lên Padet theo đường link....
- c. **Sản phẩm:** Phiếu học tập 4, 5
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																																	
<p><b>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc văn bản “<i>Làm việc cũng là làm người</i>” (Trích “<i>Đúng việc – một góc nhìn về câu chuyện khai minh</i>” SGK/120-121)</li> <li>- Chỉ ra quan điểm, các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả sử dụng để bảo vệ quan điểm của mình</li> <li>- HS sử dụng Phiếu học tập số 4 và 5</li> </ul> <p><b>B2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> HS làm việc nhóm để tìm kiếm, đọc tài liệu và điền các thông tin mình thu thập được vào phiếu học tập sau giờ học</p> <p><b>B3: Báo cáo thảo luận:</b> HS chia sẻ các tài liệu mà mình thu thập được cho các bạn trong lớp và nộp phiếu học tập cho GV ở Padet.com .</p> <p><b>B4: Kết luận, nhận định:</b> GV nêu nhận xét về phần làm việc của các nhóm và tổng kết các thông tin mà cả lớp đã thu thập, phân tích.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu học tập thu được từ bài làm ở nhà của HS</li> </ul> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px 0;"> <p style="text-align: center;"><b>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5</b> PHIẾU HƯỚNG DẪN ĐỌC VĂN BẢN (làm ở nhà)</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Tên Văn Bản</th> <th>Tên Tác Giả</th> <th>Chủ Đề</th> <th>Luận Điểm</th> <th>Lí Lẽ</th> <th>Bằng Chứng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> </tbody> </table> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px 0;"> <p style="text-align: center;"><b>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6</b> PHIẾU HƯỚNG DẪN VIỆC TÌM Ý (làm ở nhà)</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Câu hỏi</th> <th>Hướng dẫn</th> <th>Trả lời</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tim câu chủ đề của các đoạn văn</li> <li>Tim mối liên hệ giữa các câu chủ đề</li> <li>Xác định quan điểm, các luận điểm chính của tác giả</li> </ul> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td>2</td> <td> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tim các lí lẽ, bằng chứng cho các luận điểm chính</li> <li>Đánh giá vai trò của các lí lẽ, bằng chứng trong việc làm sáng tỏ các luận điểm</li> </ul> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table> </div>	Tên Văn Bản	Tên Tác Giả	Chủ Đề	Luận Điểm	Lí Lẽ	Bằng Chứng																			Câu hỏi	Hướng dẫn	Trả lời	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tim câu chủ đề của các đoạn văn</li> <li>Tim mối liên hệ giữa các câu chủ đề</li> <li>Xác định quan điểm, các luận điểm chính của tác giả</li> </ul>		2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tim các lí lẽ, bằng chứng cho các luận điểm chính</li> <li>Đánh giá vai trò của các lí lẽ, bằng chứng trong việc làm sáng tỏ các luận điểm</li> </ul>	
Tên Văn Bản	Tên Tác Giả	Chủ Đề	Luận Điểm	Lí Lẽ	Bằng Chứng																													
Câu hỏi	Hướng dẫn	Trả lời																																
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tim câu chủ đề của các đoạn văn</li> <li>Tim mối liên hệ giữa các câu chủ đề</li> <li>Xác định quan điểm, các luận điểm chính của tác giả</li> </ul>																																	
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tim các lí lẽ, bằng chứng cho các luận điểm chính</li> <li>Đánh giá vai trò của các lí lẽ, bằng chứng trong việc làm sáng tỏ các luận điểm</li> </ul>																																	

# BÀI 9: LỰA CHỌN VÀ HÀNH ĐỘNG

## PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

### Tiết 97: CÁCH GIẢI THÍCH NGHĨA CỦA TỪ

(01 tiết)

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Về kiến thức:

- Học sinh hiểu được sự cần thiết của việc giải thích nghĩa của từ trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.
- Học sinh hiểu rõ được các thao tác trong việc giải nghĩa của từ và biết cách vận dụng trong hoạt động thực hành và trong hoạt động giao tiếp nói chung.

##### 2. Về năng lực:

###### 2.1. Năng lực chung:

- Tự chủ, tự học và giải quyết vấn đề: Đưa ra cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hành kiến thức vào đời sống thực tiễn.
- Phát triển năng lực giao tiếp. Học sinh biết vận dụng kiến thức về nghĩa của từ vào hoạt động giao tiếp hiệu quả và giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.

###### 2.2. Năng lực đặc thù:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực thẩm mỹ, học sinh biết khám phá vẻ đẹp ngôn từ trong các tác phẩm văn chương, cũng như trong giao tiếp hằng ngày.

##### 3. Về phẩm chất:

- Bồi dưỡng tình yêu đối với đất nước, thấy được tầm quan trọng của tiếng Việt và biết gìn giữ vẻ đẹp, sự trong sáng của tiếng Việt.
- Có ý thức rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ của bản thân.
- Có trách nhiệm sử dụng đúng và hay ngôn ngữ tiếng Việt.

#### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

##### 1. Thiết bị dạy học

SGK, SGV Ngữ văn 11 (tập 2); Tài liệu chuẩn kiến thức – kỹ năng Ngữ văn 11; bài soạn; bài giảng Powerpoint.

##### 2. Học liệu

#### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

## 1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra lòng ghép trong quá trình học bài.

## 3. Bài mới:

### HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. **Nội dung:** GV chiếu câu hỏi và HS trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm:** Bài làm của học sinh.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Em hãy giải nghĩa của từ <i>sốt</i> trong các câu sau:</p> <p>+Cháu sốt cao quá, phải cho đi viện ngay!</p> <p>+Cơn sốt giá vẫn chưa thuyên giảm!</p> <p>+Chưa vào hè mà đã sốt tử lạnh, máy điều hoà nhiệt độ!</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>GV nhận xét và dẫn vào bài mới: <i>Từ trong tiếng Việt vô cùng phong phú và đa dạng. Muốn hiểu rõ ý nghĩa của từ đòi hỏi chúng ta cần phải tìm hiểu kỹ về nội hàm nghĩa, về ngữ cảnh. Để hiểu được điều này ta tìm hiểu bài mới: Cách giải thích nghĩa của từ.</i></p>	<p>- Cháu sốt cao quá, phải cho đi viện ngay! (một dạng ốm, thân nhiệt tăng không bình thường)</p> <p>- Cơn sốt giá vẫn chưa thuyên giảm! (giá cả các mặt hàng tăng liên tục, chưa dừng lại)</p> <p>- Chưa vào hè mà đã sốt tử lạnh, máy điều hoà nhiệt độ! (hiện tượng khan hiếm hàng hoá)</p>

### HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. **Mục tiêu:**

- Học sinh nắm được kiến thức cơ bản về cách giải thích nghĩa của từ.

**b. Nội dung:**

- GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
I. NHẬN BIẾT....	
<p><b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p><b>GV:</b></p> <p>- Nghĩa của từ là gì? Nêu các thành phần nghĩa của từ?</p> <p>- Sách giáo khoa đã nêu những cách giải thích nào về nghĩa của từ?</p> <p>- Yêu cầu đối với một số cách giải thích nghĩa của từ?</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.</b></p> <p>+ GV gọi hs nhận xét</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =&gt; Ghi lên bảng</p>	<p><b>I. Tìm hiểu chung</b></p> <p>1. Nghĩa của từ: Là khả năng biểu hiện về nghĩa của từ đó trong thực tế sử dụng.</p> <p>2. Khi nói về nghĩa của từ, người ta thường phân biệt các thành phần nghĩa sau đây:</p> <p>+Nghĩa biểu vật</p> <p>+ Nghĩa biểu niệm</p> <p>+ Ngoài hai thành phần nghĩa trên đây, khi xác định nghĩa của từ, người ta còn phân biệt hai thành phần nghĩa nữa. Đó là nghĩa ngữ dụng và nghĩa cấu trúc.</p> <p>3. Một số cách giải thích nghĩa của từ:</p> <p>a. Tùy vào ngữ cảnh cụ thể và vào đặc điểm, tính chất của từ được giải thích (Từ vay mượn, từ địa phương, từ cổ...).</p> <p>b. Một số cách giải thích cơ bản và thông dụng:</p> <p>- Giải thích bằng hình thức trực quan: Chỉ vào sự vật hay hiện tượng tồn tại trong thực tế vốn được gọi tên bằng từ đó(Cũng có thể chỉ vào hình ảnh đại diện của sự vật được ghi nhận bằng các phương tiện phi ngôn ngữ như tranh, ảnh...).</p> <p>- Giải thích bằng cách trình bày khái niệm mà từ biểu thị. Theo cách này, không chỉ nghĩa của các sự vật, hiện tượng quan sát được mà cả nghĩa của những từ biểu thị trạng thái tinh thần hay kết quả của hoạt động tư duy của con người đều có thể được làm sáng tỏ.</p> <p>- Giải thích bằng cách nêu lên từ đồng nghĩa hoặc</p>

	<p>trái nghĩa với từ cần giải thích theo quy ước ngầm rằng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa đó đã được người tiếp nhận biết đến.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích bằng cách làm rõ nghĩa từng yếu tố trong từ được giải thích (Đối với từ ghép), sau đó nêu nghĩa chung của từ, nghĩa của từ phụ thuộc vào phương thức kết hợp cụ thể của các yếu tố (Đăng lập hay chính phụ) và ngữ cảnh.</li> </ul> <p>4. Yêu cầu đối với 1 số cách giải thích nghĩa của từ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu đầy đủ khía cạnh của khái niệm mà từ biểu thị.</li> <li>- Trong một số trường hợp, có thể nêu cùng lúc 2-3 từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa để người tiếp nhận nắm bắt thuận lợi hơn về sắc thái tinh tế của từ được giải thích.</li> <li>- Làm rõ nghĩa từng yếu tố trong từ, sau đó tổng hợp lại. Khi tổng hợp, cần chú ý đến mối quan hệ giữa các yếu tố trong từ. Cách giải thích trên không áp dụng cho loại từ ghép mang nghĩa biệt lập, hoặc nghĩa thuật ngữ chuyên môn.</li> </ul>
--	--

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Kết quả của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<b>II. THỰC HÀNH</b>	
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>GV giao bài:</p> <p><b>Câu 1 (Trang 110, SGK Ngữ Văn 11 bộ kết nối, tập hai):</b></p> <p>Tìm ở phần cước chú hai văn bản “Bài ca ngất ngưỡng” và “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” các trường hợp có thể minh họa cho một số cách giải thích nghĩa của từ được nêu ở phần Tri thức ngữ văn.</p>	<p><b>Câu 1 (trang 110, SGK Ngữ Văn 11, tập hai):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Bài ca ngất ngưỡng</li> <li>- Nêu từ đồng nghĩa: tài bộ, người thái thượng, đông phong...</li> <li>- Làm rõ nghĩa của từng yếu tố sau đó tổng hợp lại: cắc, tùng...</li> <li>* Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</li> <li>- Giải thích nghĩa của cả câu: lòng dân trời tỏ, dân áp dân lân, treo dê bán chó...</li> </ul>

**Câu 2 (trang 111, SGK Ngữ Văn 11, tập hai):**

Trong những cước chú tìm được ở bài tập 1, cách giải thích nào đối với nghĩa của từ được thực hiện nhiều hơn? Hãy lí giải nguyên nhân?

**Câu 3 (trang 111, SGK Ngữ Văn 11, tập hai):**

Chỉ ra những trường hợp cước chú cụ thể mà ở đó người biên soạn đã sử dụng phối hợp ít nhất hai cách giải thích nghĩa của từ.

**Câu 4 (trang 111, SGK Ngữ Văn 11, tập hai):**

Chọn một số từ có cước chú ở các văn bản đọc trong bài và giải thích chúng theo cách khác so với cách đã được sử dụng. Tự đánh giá về cách giải thích mà bạn vừa thực hiện.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh làm bài

**B3. Báo cáo thảo luận**

HS trả lời các câu hỏi

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

- Nêu từ đồng nghĩa: cui cút, làng bộ, linh...

- Làm rõ nghĩa của từng yếu tố sau đó tổng hợp từ: đoạn kinh, xác phàm...

**Câu 2 (trang 111, SGK Ngữ Văn 11, tập hai):**

Trong những cước chú tìm được theo bài tập 1, cách giải thích đối với nghĩa của từ được sử dụng nhiều hơn đó là nêu từ đồng nghĩa và làm rõ nghĩa của từng yếu tố sau đó tổng hợp lại.

Bởi hai tác phẩm trên thuộc thời phong kiến, cận đại và pha lẫn cả những từ địa phương nên có nhiều từ ngữ được coi là cồng kềnh khiến người đọc khó hiểu vì không biết nó biểu đạt hàm ý gì.

Bởi vậy, việc giải thích nghĩa của từ ở đây chủ yếu là những từ đơn và từ ghép nên việc sử dụng cước chú nêu ra từ đồng nghĩa và làm rõ từng yếu tố sẽ giúp người đọc hiểu rõ của câu từ và nội dung tác giả muốn truyền tải hơn.

**Câu 3 (trang 111, SGK Ngữ Văn 11, tập hai):**

Cật: thân, mình

Ý của câu: thân mình chỉ khoác một mảnh áo vải, thân phận nghèo hèn

→ Nêu lên từ đồng nghĩa và giải thích nghĩa của cả câu.

Mã tà ma ní: chỉ chung lính đánh thuê cho thực dân Pháp (mã tà: cảnh sát, gọi theo tiếng Ma-lai-xi-a; ma ní: lính chiêu mộ từ Philipin, được gọi theo tên thủ đô Ma-ni-la của nước này)

→ Nêu lên từ đồng nghĩa và giải thích từng yếu tố của từ

Rồi nợ: xong nợ, hết nợ (rồi: xong)

→ Nêu lên từ đồng nghĩa và giải thích từng yếu tố của từ

**Câu 4 (trang 111, SGK Ngữ Văn 11, tập hai):**

- Phủ doãn Thừa Thiên: chỉ nhà ở của quan đứng đầu tỉnh Thừa Thiên.

- Quan hai: chức quan xếp thứ hai theo phẩm hàm trong quân đội Pháp.

→ Cách giải thích trên dù đúng nhưng đều mang sự sơ sài và giải thích chưa thực sự rõ nghĩa của từ. Bởi vậy, cách giải thích cũ của tác giả trong từng tác phẩm vẫn cụ thể và rõ nghĩa hơn cách giải thích này.

## HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

### a. Mục tiêu:

- Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

### b. Nội dung:

- HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

### c. Sản phẩm:

- Kết quả của HS

### d. Tổ chức thực hiện:

#### Câu 5 (trang 111, SGK Ngữ Văn 11, tập hai):

Vì sao trong các từ điển, bên cạnh việc giải thích nghĩa của từ, người ta thường nêu một số câu có sử dụng từ đó làm ví dụ?

Gợi dẫn:

Việc lấy thêm ví dụ trong từ điển có tác dụng giúp người đọc hiểu tường tận hơn về nghĩa của từ và nó là một trong những cách khiến chúng ta nhớ từ được lâu hơn bởi khi áp dụng nó vào một câu thì nó sẽ mang một nghĩa hoàn chỉnh khiến ta nhớ.

Câu 6: Hãy giải thích nghĩa của các từ sau: Bàn tay vàng, cầu truyền hình, cơm bụi, công nghệ cao.

Gợi dẫn:

- Bàn tay vàng: bàn tay tài giỏi, khéo léo trong việc thực hiện một thao tác lao động hoặc một thao tác kĩ thuật nhất định.

- Cầu truyền hình: hình thức truyền hình tại chỗ các lễ hội, giao lưu... trực tiếp thông qua hệ thống ca-mê-ra giữa các địa điểm cách xa nhau về cự li địa lí.

### 4. Củng cố

- Nắm được cách dùng các từ phù hợp về nghĩa trong câu văn, câu nói của mình.  
- Giải thích nghĩa và phân biệt nghĩa của các từ sau: yếu điểm-điểm yếu; cứu cánh- cứu hộ.

### 5. Dặn dò

Chuẩn bị bài: “Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật”.

# NGỮ VĂN THPT

## BÀI 9

### LỰA CHỌN VÀ HÀNH ĐỘNG

#### PHẦN 3. VIẾT

Tiết 102,103...: VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT  
(2 tiết)

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Về kiến thức:

- Nêu được những thông tin khái quát về tác phẩm nghệ thuật sẽ bàn tới trong bài viết (tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, đánh giá của công chúng...)
- Xác định rõ nội dung và hệ thống luận điểm sẽ triển khai: miêu tả chung về tác phẩm bằng một ngôn ngữ phù hợp với loại hình nghệ thuật của nó; phân tích tác phẩm trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật; đánh giá tổng quát; gợi ý về cách tiếp cận đối với tác phẩm.

#### 2. Về năng lực:

**2.1. Năng lực chung:** Học sinh phát triển tư duy phản biện, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề,....

#### 1.2. Năng lực đặc thù:

- Học sinh nắm được kỹ năng viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật: hệ thống luận điểm chặt chẽ, luận cứ thuyết phục, luận chứng phù hợp.
- HS tạo lập được văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật theo kỹ năng đã nắm.

**3. Về phẩm chất:** Rung động trước tác phẩm nghệ thuật và đồng cảm đối với tác giả của văn bản nghệ thuật đó.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

#### 2. Học liệu:

- Kế hoạch dạy học, bài trình chiếu PP, phiếu học tập;
- SGK Ngữ văn 11 (Tập II) – bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, SGK, tài liệu tham khảo...

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### 1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong phần khởi động

3. Bài mới:

### HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế tìm hiểu bài mới

**b. Nội dung:** HS kể tên và đánh giá khái quát các chương trình giới thiệu nghệ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng mà bản thân được trải nghiệm.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho hs kể tên những chương trình giới thiệu nghệ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng.</li> <li>- Em đánh giá ntn về chương trình nghệ thuật này?</li> <li>- Cái khó của việc thưởng thức, đánh giá 1 chương trình nghệ thuật là gì?</li> </ul> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b> HS tìm câu trả lời.</p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b></p> <p>HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ học tập</p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS khác nhận xét, bổ sung</li> <li>- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.</li> </ul>	<p>HS kể chính xác và đánh giá khái quát các chương trình giới thiệu nghệ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng mà bản thân được trải nghiệm.</p>

### HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được những yêu cầu của bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật, xác định được nhiệm vụ viết.

**b. Nội dung:** Yêu cầu của bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật

**c. Sản phẩm:** HS hoàn thành việc tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>HS đọc – tìm hiểu phần lời dẫn và Yêu cầu (SGK, tr.112) để trả lời câu hỏi: Nêu những điều kiện cần tuân thủ để có một sản phẩm viết đúng với kiểu bài đã qui định ?</p> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>Cá nhân HS đọc, tìm hiểu nội dung trong phần Yêu cầu/ SGK tr.112 và tìm câu trả lời.</p> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b></p> <p>- HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ học tập cần thực hiện: nêu các yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.</p> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b></p> <p>- HS khác nhận xét, bổ sung</p> <p>- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.</p>	<p><b>I. Yêu cầu của bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật</b></p> <p>- Nêu được những thông tin khái quát về tác phẩm (tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, đánh giá của công chúng...)</p> <p>- Xác định rõ nội dung và hệ thống luận điểm sẽ triển khai: miêu tả chung về tác phẩm bằng ngôn ngữ phù hợp với loại hình nghệ thuật của nó; phân tích tác phẩm trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật; đánh giá tổng quát; gợi ý về cách tiếp cận phù hợp đối với tác phẩm,...</p> <p>- Phối hợp linh hoạt giữa việc trình bày lí lẽ và nêu bằng chứng cụ thể.</p> <p>- Thể hiện sự rung động trước tác phẩm và sự đồng cảm đối với tác giả.</p>

**Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** HS phân biệt được văn bản về tác phẩm nghệ thuật với văn bản thông tin về tác phẩm nghệ thuật; các điều kiện cần đảm bảo khi viết bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.

**b. Nội dung:** Phân tích những đặc điểm và điều kiện điều kiện cần đảm bảo khi viết bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS theo nhiệm vụ học tập GV đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV yêu cầu 1 HS đọc bài viết tham khảo;</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm (2 phút) về các vấn đề sau theo phiếu học tập.</p> <p>+ Nhóm 1+ 3: Những đặc điểm nào cho thấy bài viết là một văn bản nghị luận chứ không phải văn bản thông tin về một tác phẩm nghệ thuật?</p> <p>+ Nhóm 2+5: Nêu tính đặc thù của những</p>	<p><b>II. Điều kiện cần đảm bảo khi viết bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.</b></p> <p><b>1. Tìm hiểu ngữ liệu: Bài viết tham khảo</b></p> <p><b>“Về bức tranh <i>Mưa thu. Pu-skin</i> của họa sĩ V.E Páp-cốp”</b></p> <p>- Phân biệt văn bản về tác phẩm nghệ thuật với văn bản thông tin về tác phẩm nghệ thuật: chủ yếu thể hiện ở các luận</p>

bằng chứng được sử dụng trong văn bản

+ Nhóm 4+6: Để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật, người viết phải đảm bảo những điều kiện gì?

## B2. Thực hiện nhiệm vụ:

Các nhóm HS thảo luận nhóm và tìm câu trả lời theo phiếu học tập.

### PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: NHÓM 1+3

BÀI THAM KHẢO	
Những đặc điểm nào cho thấy bài viết là một văn bản nghị luận chứ không phải văn bản thông tin về một tác phẩm nghệ thuật?	

### PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: NHÓM 2+5

BÀI THAM KHẢO	
Nêu tính đặc thù của những bằng chứng được sử dụng trong văn bản	

### PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: NHÓM 4+6

BÀI THAM KHẢO	
Để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật, người viết phải đảm bảo những điều kiện gì?	

## B3. Báo cáo thảo luận:

điểm đánh giá theo quan điểm riêng, góc nhìn riêng của người viết về tác phẩm. Những thông tin khách quan về tác phẩm được sử dụng như là phương tiện giúp người viết triển khai một cách hợp lý những phân tích, nhận xét, đánh giá về giá trị của đối tượng được đề cập đến

- Tính đặc thù đó gắn liền với sự “miêu tả” của người viết về các phương diện khách quan của tác phẩm (bố cục, màu sắc, hình khối, đường nét,...) khác với việc trích dẫn câu văn, câu thơ khi ta viết một bài nghị luận văn học.

## 2. Các điều kiện cần đảm bảo khi viết bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.

- Cần có hiểu biết cơ bản về loại hình nghệ thuật mà tác phẩm đó thuộc về

- Cần có hứng thú thật sự với tác phẩm trên cơ sở từng nghe, xem, thưởng lãm nó theo điều kiện thực tế cho phép.

- Cần có một quan điểm đánh giá rõ ràng về tác phẩm với việc triển khai những lí lẽ xác đáng.

Đại diện các nhóm HS trình bày, các nhóm khác góp ý, bổ sung (nếu có).	
<b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b>	
- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ HT của HS và chuẩn kiến thức.	

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

**a. Mục tiêu:** Xác định được đề tài, đối tượng, mục đích viết.

**b. Nội dung:** Chọn đề tài

**c. Sản phẩm:** HS chọn được tác phẩm có đủ thông tin (qua tra cứu, tìm hiểu), đặc biệt, đó là tác phẩm đã được tiếp xúc.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Chuẩn bị viết**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS chọn đề tài (theo nhóm), GV sơ duyệt đề tài</li> <li>- GV định hướng nội dung viết.</li> </ul> <p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm HS thảo luận và xác định đề tài để viết.</li> </ul> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện các nhóm HS trình bày đề tài của nhóm.</li> </ul> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</li> </ul>	<p><b>III. Luyện tập - Thực hành viết</b></p> <p><b>*Bước 1. Chuẩn bị viết</b></p>

**\* Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS trình bày các bước tìm ý, lập dàn ý cho bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật và lập dàn ý cho đề tài của nhóm.</li> </ul>	<p><b>* Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý</b></p> <p><b>1. Mở bài</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu các thông tin cơ bản về tác phẩm (tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, sự đón nhận của công chúng...</li> </ul>

<p><b>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trình bày các bước tìm ý, lập dàn ý cho bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật - HS lập dàn ý cho đề tài nhóm đã lựa chọn.</li> </ul> <p><b>B3. Báo cáo thảo luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện các nhóm HS trình bày</li> </ul> <p><b>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và chuẩn kiến thức.</li> </ul>	<p><b>2. Thân bài</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhìn nhận khái quát về tác phẩm (tóm tắt cốt truyện phim, ....)</li> <li>- Phân tích từng khía cạnh nổi bật của tác phẩm với lí lẽ và bằng chứng rõ ràng, đầy đủ.</li> <li>- Nêu những điều mà người xem, người nghe cần chuẩn bị để có được sự thưởng thức trọn vẹn, nhiều hứng thú đối với tác phẩm.</li> </ul> <p><b>3. Kết bài:</b> Đánh giá chung về tác phẩm (thành công chính và những hạn chế)</p>
---	---

**\* Bước 3: Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS**

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

**\* Bước 3. Viết bài, chỉnh sửa và hoàn thiện**

- Từ dàn ý của nhóm, GV yêu cầu HS viết bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoàn thành bài viết

**B3. Báo cáo thảo luận:**

- GV yêu cầu 2 – 3 HS đọc một số đoạn văn (MB, 1 đoạn trong thân bài hoặc KB) trước lớp.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài) - Thực hiện tiết 2**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức.**

- Hiểu rõ được những yêu cầu khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật..

- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực tiếp nhận văn bản, hợp tác, cảm thụ, năng lực giao tiếp.

### **b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn phân tích nhân vật trong tác phẩm văn học.

- Năng lực tiếp thu luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

### **3. Phẩm chất:**

- Nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra.

## **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

### **1. Thiết bị dạy học:**

- Máy tính, máy chiếu, các công cụ đánh giá...

### **2. Học liệu:**

- Thiết kế bài giảng điện tử, tài liệu tham khảo.

## **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

### **HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng khởi cho hs.

**b. Nội dung:** GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

**c. Sản phẩm:** Hs chuẩn bị kiến thức đã có trong đề kiểm tra

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã xem lại phần kiến thức đã học của bài này hôm trước chưa?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập của thân để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.*

### **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

## 1. Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

**a. Mục tiêu:** Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.

**c. Sản phẩm học tập:** HS so sánh bài làm với đáp án.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV cho HS nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài.</li><li>- GV nhắc lại các lưu ý khi làm bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật..</li></ul>	<p><b>I. Yêu cầu</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nêu được những thông tin khái quát về tác phẩm (tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, đánh giá của công chúng...)</li><li>- Xác định rõ nội dung và hệ thống luận điểm sẽ triển khai: miêu tả chung về tác phẩm bằng ngôn ngữ phù hợp với loại hình nghệ thuật của nó; phân tích tác phẩm trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật; đánh giá tổng quát; gợi ý về cách tiếp cận phù hợp đối với tác phẩm,...</li><li>- Phối hợp linh hoạt giữa việc trình bày lí lẽ và nêu bằng chứng cụ thể.</li><li>- Thể hiện sự rung động trước tác phẩm và sự đồng cảm đối với tác giả.</li></ul>
<p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV.</li></ul>	
<p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</li></ul>	
<p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức □ Ghi lên bảng.</li></ul>	

## 2. Nhận xét ưu, về kết quả viết và yêu cầu HS chỉnh sửa bài viết

**a. Mục tiêu:** Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân và cách sửa chữa:

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS rút kinh nghiệm bài viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm.</li> <li>- GV trả bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và những phân tích, bổ sung ở trên.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.</li> <li>- Hướng dẫn HS viết lại bài văn cảm nhận.</li> </ul>	<p><b>II. ƯU, KHUYẾT ĐIỂM:</b></p> <p><b>1. Ưu điểm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiều em đã biết cách làm bài, hiểu yêu cầu của đề.</li> <li>+ Trình bày khoa học.</li> </ul> <p><b>2. Nhược điểm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số em chưa biết cách làm bài:</li> <li>* <b>Kiến thức:</b></li> <li>+ Chưa nắm vững yêu cầu bài làm.</li> <li>+ Nhiều em lười không làm bài.</li> <li>+ Bài văn nêu cảm nhận còn sơ sài, thiếu phần nêu đặc sắc nghệ thuật.</li> <li>* <b>Diễn đạt:</b></li> <li>- Dùng từ: Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác, chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, lôgic.</li> <li>- Lối văn: Một số em viết bài cảm nhận chưa đạt yêu cầu.</li> <li>- Chữ viết: Ấu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học.</li> <li>- Nhiều bài chưa chịu suy nghĩ làm bài, làm đối phó.</li> <li>- Có em không hiểu yêu cầu đề</li> <li>- Phê bình nhiều em chưa nộp bài đúng hạn.</li> </ul> <p><b>3. Kết quả:</b></p> <p><b>4. Hướng dẫn chữa bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi chính tả: l - n, ch - tr, gi-d-r...</li> <li>- Lỗi diễn đạt: Lủng củng, lặp từ, sai từ.</li> </ul> <p><b>III. Trả bài – Gọi điểm:</b></p>

### HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức.
- Nội dung:** GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.
- Sản phẩm học tập:** HS viết bài theo yêu cầu.
- Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: Đọc bài viết của các bạn trong nhóm và cùng trao đổi, góp ý.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS hoàn thiện bài viết của mình

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại bài văn

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý:

*Em rút ra kinh nghiệm gì sau khi làm bài kiểm tra viết bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và sửa lỗi trong bài kiểm tra theo nhận xét của giáo viên.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS đại diện trình bày.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

**IV. HDVN:**

- Hoàn thiện bài viết.

- Chuẩn bị bài: Phần nói, nghe “ Giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật”

Lưu ý: trên cơ sở bài viết đã hoàn thiện HS rèn kỹ năng nói, nghe ở tiết sau.

**TIẾT 104,105. THỰC HÀNH KỸ NĂNG NÓI VÀ NGHE****GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT****I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức**

- Học sinh biết cách lựa chọn tác phẩm nghệ thuật đáng được giới thiệu rộng rãi.
- Học sinh nắm được yêu cầu cơ bản của việc giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật (tự chọn) cho những người quan tâm.
- Biến cấu trúc bài thuyết trình thành các luận điểm mạch lạc, thể hiện rõ ràng ý kiến cá nhân về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm nghệ thuật.

## 2. Về năng lực:

### 2.1. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

### 2.2. Năng lực cốt lõi:

- *Nói*: Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm nghệ thuật.
- *Nghe*: Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.
- *Nói nghe tương tác*: Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

## 3. Về phẩm chất:

- Bồi dưỡng khả năng lắng nghe và góp ý trên tinh thần cởi mở và xây dựng.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

### 2. Kiểm tra bài cũ:

### 3. Bài mới:

## HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

### a. Mục tiêu hoạt động:

- Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

**b. Nội dung:**

- GV phát vấn: *Theo em, cần chuẩn bị gì để có một bài nói – chia sẻ tốt?*

**c. Sản phẩm:**

- Bài viết đã chuẩn bị ở nhà của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b> GV đặt câu hỏi	<b>Gợi ý đáp án</b> Tìm hiểu kĩ tác phẩm
<b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.</b> - Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói  Học sinh trả lời câu hỏi	Vận dụng năng lực ngôn ngữ Tự tin Rèn luyện giọng nói
<b>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b> Học sinh chia sẻ	
<b>Bước 4. Kết luận, nhận định</b> Giáo viên dẫn dắt vào bài học	

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Tìm hiểu yêu cầu của bài nói**

**a. Mục tiêu hoạt động:**

- HS hiểu được yêu cầu của bài nói trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề.

**b. Nội dung:**

- Học sinh đọc thật kĩ các yêu cầu, thao tác chuẩn bị nói và nghe

**c. Sản phẩm:**

- Phần chuẩn bị của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1. Tìm hiểu yêu cầu của bài nói.**

**a. Mục tiêu hoạt động:**

- Biết được cách tham gia cuộc thảo luận, trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.

**b. Nội dung:**

- Học sinh đọc thật kĩ các yêu cầu, của bài nói.

**c. Sản phẩm:**

- Phần thảo luận, chuẩn bị của hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM											
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b> GV hướng dẫn thể loại bài nói. GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ</p> <table border="1" data-bbox="186 604 906 947"><thead><tr><th colspan="3">Chuẩn bị nói</th><th rowspan="2">Chuẩn bị nghe</th></tr><tr><th>Lựa chọn đề tài</th><th>Tìm ý và sắp xếp ý</th><th>Xác định từ ngữ then chốt</th></tr></thead><tbody><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></tbody></table> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> HS lắng nghe và lưu ý để xem lại phần chuẩn bị bài nói của mình.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả</b> - HS báo cáo kết quả</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận</b> - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận</p>	Chuẩn bị nói			Chuẩn bị nghe	Lựa chọn đề tài	Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt					<p><b>I. TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nêu được những thông tin chính xác, cô đọng về tác phẩm (tên tác phẩm, tác giả, thể loại, thời điểm sáng tác, sự đón nhận của công chúng và tác giả chuyên môn).</li><li>- Nói rõ lí do chọn giới thiệu tác phẩm (xét từ góc độ cá nhân hay từ ý nghĩa của hoạt động giới thiệu).</li><li>- Nêu được những đề xuất có ý nghĩa đối với việc hình thành và phát triển năng lực thưởng thức, cảm thụ nghệ thuật của người xem, người nghe nói chung.</li></ul>
Chuẩn bị nói			Chuẩn bị nghe									
Lựa chọn đề tài	Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt										
<p><b>2. Chuẩn bị bài nói</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Soát lại được bài nói của mình trước khi đưa ra thảo luận.</li><li>- Xác nhận lại tác phẩm nghệ thuật mà mình sẽ trình bày.</li><li>- Chuẩn bị sẵn sàng tâm thế để trình bày ý kiến trước tập thể.</li></ul> <p><b>b. Nội dung</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói .</li></ul> <p><b>c. Sản phẩm</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- PHT thu thập từ HS.</li></ul>												

d. Tổ chức thực hiện	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc SGK và nêu các bước thực hành bài giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật.</li> <li>- GV dành khoảng 5 phút cho HS tự soát lại nội dung bài nói đã chuẩn bị ở nhà.</li> </ul> <p><b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.</li> </ul> <p><b>Bước 3. Báo cáo thảo luận:</b></p> <p>GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4. Phân tích kết luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng.</li> </ul>	<p><b>1. Chuẩn bị nói</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Lựa chọn đề tài</b></li> </ul> <p>+ Có thể khai thác từ hoạt động viết trước đó, cũng có thể giới thiệu một tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác như bài hát, bức tranh, bộ phim,...</p> <p>+ Nên chọn tác phẩm từng được nhiều bạn trong lớp quan tâm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tìm ý và sắp xếp ý:</b></li> </ul> <p>- Nếu tiếp tục chọn giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật đã được bàn tới trong bài viết trước đó, cần rút gọn bài viết thành một dàn ý, đánh dấu những ý cơ bản sẽ được trình bày.</p> <p>- Nếu chọn giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật khác, cần xây dựng hệ thống nắm rõ các thông tin: tên tác phẩm; tên tác giả; nơi có thể xem, nghe tác phẩm; điểm đặc sắc của tác phẩm về nội dung và hình thức; thông điệp toát ra từ tác phẩm; ý nghĩa của thông điệp; đóng góp của tác phẩm cho đời sống nghệ thuật ....</p> <p>- Khi diễn đạt cần quan tâm những từ ngữ mang tính chuyên môn (thuật ngữ) để gọi tên các bộ phận cấu thành của tác phẩm theo từng loại hình nghệ thuật khác nhau.</p> <p><b>2. Thực hành nói</b></p> <p>Bám sát dàn ý đã chuẩn bị để thực hiện bài nói một cách tự tin. Chủ động tăng cường tương tác với người nghe, đảm bảo đúng thời gian quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở đầu: Nêu tên tác phẩm và loại</li> </ul>

	<p>hình nghệ thuật của tác phẩm.</p> <p>- Triển khai:</p> <p>+ Trình bày các thông tin chung về tác phẩm; phân tích một số nét đặc sắc của tác phẩm theo quan điểm cá nhân.</p> <p>- Kết luận: Đánh giá tổng quát về giá trị của tác phẩm và nêu hướng tiếp cận phù hợp với giá trị của tác phẩm.</p> <p>*Lưu ý: Điều chỉnh giọng nói phù hợp, kết hợp giữa lời nói và các phương tiện phi ngôn ngữ; sử dụng PowerPoint (nếu có) và các phương tiện kỹ thuật hỗ trợ khác.</p> <p><i>Phụ lục 1. Phiếu thực hành nghe – nói</i></p> <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td colspan="2" style="text-align: center;">Chuẩn bị nói</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Lựa chọn đề tài:</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Tìm ý và sắp xếp ý</td> <td style="text-align: center;">Xác định từ ngữ then chốt</td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> </tr> </table>	Chuẩn bị nói		Lựa chọn đề tài:		Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt		
Chuẩn bị nói									
Lựa chọn đề tài:									
Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt								

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu hoạt động:**

- Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài nói và nghe

**b. Nội dung thực hiện**

- HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubic chấm

**c. Sản phẩm:**

- Phần trình bày bài nói – nghe của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM					
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lên trình bày bài nói nghe.</li> </ul> <p><b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh thực hành nói – nghe</li> </ul> <p><b>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b></p>	<p><b>Bảng kiểm thảo luận.</b></p> <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <th style="text-align: center;">Người nói</th> <th style="text-align: center;">Người nghe</th> </tr> <tr> <td style="vertical-align: top;"> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ những điều người nghe muốn biết về tác phẩm.</li> </ul> </td> <td style="vertical-align: top;"> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bày tỏ sự quan tâm về tác phẩm được giới thiệu.</li> <li>- Nêu những điều</li> </ul> </td> </tr> </table>		Người nói	Người nghe	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ những điều người nghe muốn biết về tác phẩm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bày tỏ sự quan tâm về tác phẩm được giới thiệu.</li> <li>- Nêu những điều</li> </ul>
Người nói	Người nghe					
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ những điều người nghe muốn biết về tác phẩm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bày tỏ sự quan tâm về tác phẩm được giới thiệu.</li> <li>- Nêu những điều</li> </ul>					

Học sinh trình bày phần bài làm của mình .

Người nghe và người nói tiến hành trao đổi, thảo luận, trình bày theo bảng kiểm và rubric chấm

#### **Bước 4. Kết luận, nhận định**

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

- Bảo vệ hoặc điều chỉnh những đánh giá về tác phẩm qua đối thoại với người nghe.

- Thể hiện thái độ tiếp thu các góp ý một cách nghiêm túc, chân thành.

muốn biết về tác phẩm.

- Bổ sung hoặc đính chính thông tin về tác phẩm căn cứ vào thực tế giới thiệu của người nói.

- Trình bày cách nhìn nhận khác về tác phẩm trên tinh thần đối thoại tích cực.

- Nêu những điểm đồng tình hoặc chưa đồng tình về cách giới thiệu của người nói.

#### **Rubric chấm:**

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Chọn được tác phẩm nghệ thuật gây được nhiều hứng thú cho người nghe đề giới thiệu		
2	Nêu được thông tin cơ bản về tác phẩm.		
3	Trình bày được rành mạch các ý kiến đánh giá		
4	Tìm được hình thức giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm.		
5	Nêu được bài học có ý nghĩa đối với việc tiếp nhận nghệ thuật nói chung		
6	Thể hiện sự tương tác tích cực với người nghe		

### **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh bàn luận, đề xuất những phương pháp có ý nghĩa đối với việc hình thành và phát triển năng lực thưởng thức cảm thụ nghệ thuật của người xem, người nghe nói chung.

**b. Nội dung thực hiện:**

- GV cho học sinh thảo luận, đúc rút những kinh nghiệm, phương pháp trong việc thưởng thức cảm thụ nghệ thuật của người xem, người nói chung.

**c. Sản phẩm:**

- Phần bàn luận của hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- Học sinh thảo luận, đúc rút những kinh nghiệm, phương pháp trong việc thưởng thức cảm thụ nghệ thuật của người xem, người nói chung.</p> <p><b>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- Học sinh thực hiện thảo luận.</p> <p><b>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b></p> <p>Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p><b>Bước 4. Kết luận, nhận định</b></p> <p>GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<p>GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS</p>